

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

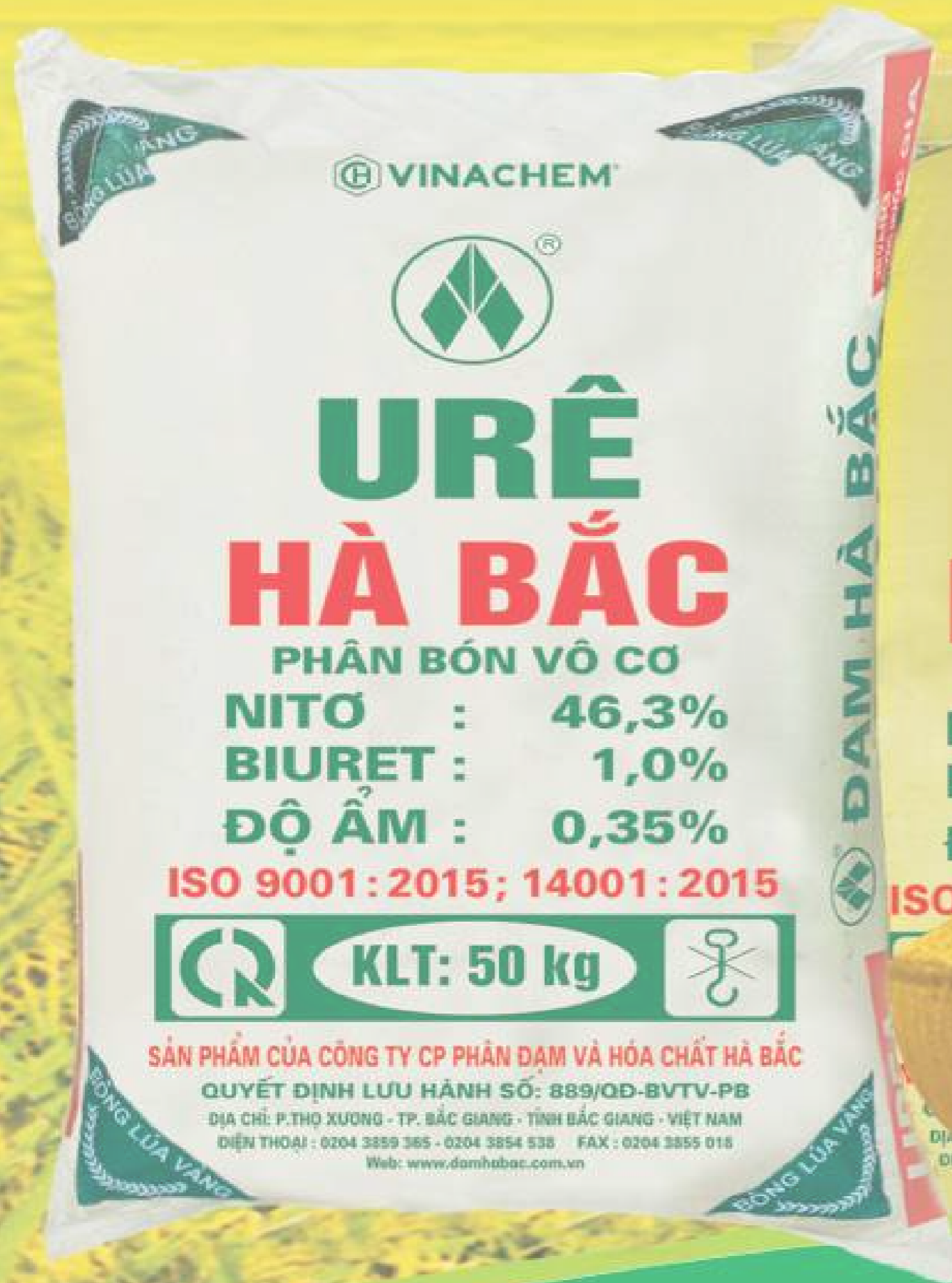


ĐẠM HÀ BẮC
Chất lượng cùng nhà nông



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Công ty Đạm Hà Bắc/ Công ty/ DHB	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
CTHDQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên



MỤC LỤC

01. Phần mở đầu

- 08 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 10 Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2021 - 2025
- 11 Tầm nhìn sứ mệnh

02. Giới thiệu công ty

- 14 Thông tin chung về doanh nghiệp
- 18 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 23 Định hướng phát triển
- 24 Rủi ro

03. Tình hình hoạt động trong năm

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 32 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

04. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- 52 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
- 54 Tình hình tài chính
- 56 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, chính sách điều hành
- 58 Phương hướng phát triển năm 2026
- 60 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 60 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

05. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

- 64 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025
- 68 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025
- 70 Kế hoạch, định hướng của HĐQT nhiệm kỳ 2026-2030

06. Quản trị công ty

- 76 Hội đồng quản trị
- 78 Ban kiểm soát
- 80 Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS
- 82 Tăng cường quản trị công ty

07. Báo cáo tài chính



01.

PHẦN MỞ ĐẦU

- 08 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 10 Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2021 - 2025
- 11 Tầm nhìn sứ mệnh

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty!

Năm 2025 đã chính thức khép lại, ghi dấu một chặng đường nhiều thử thách nhưng cũng đầy nỗ lực và bản lĩnh của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro, môi trường kinh doanh tiếp tục chịu tác động từ xu hướng thắt chặt chính sách thương mại, gia tăng bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu lớn và những gián đoạn chuỗi cung ứng do xung đột thương mại – chính trị kéo dài. Ở trong nước, ngành phân bón tiếp tục đối mặt với tình trạng mất cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ, cơ cấu cung – cầu chưa thực sự hợp lý, tạo áp lực đáng kể lên hiệu quả hoạt động của toàn ngành. Hơn thế nữa, hoạt động trong năm của Công ty gặp nhiều khó khăn do gặp sự cố về thiết bị dẫn đến phải dừng sản xuất dài ngày.

Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, chủ động thích ứng và quyết tâm cao, chúng ta đã từng bước vượt qua thách thức để đạt được những kết quả tích cực. Mặc dù doanh thu giảm nhẹ so với năm trước; biên lợi nhuận gộp được cải thiện nhờ tối ưu chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm mạnh đã góp phần giảm áp lực nợ vay, củng cố nền tảng tài chính và nâng cao năng lực tự chủ của Công ty. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế phục hồi tích cực, đánh dấu năm thứ năm liên tiếp kể từ năm 2021 Công ty kinh doanh có lãi – một minh chứng rõ nét cho quá trình tái cơ cấu tài chính đúng hướng, cũng như cho sự điều hành linh hoạt, quyết liệt và định hướng phát triển bền vững mà Công ty đã kiên trì triển khai.

Bước sang năm 2026, Công ty xác định tiếp tục theo đuổi các mục tiêu chiến lược với tinh thần quyết liệt và đổi mới: tối ưu hóa toàn diện hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất – chất lượng – hiệu quả; mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ; gia tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Chúng ta sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số trong quản trị, nâng cao năng lực điều hành và khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có. Song song với đó, định hướng phát triển bền vững gắn với trách nhiệm môi trường và xã hội sẽ tiếp tục là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, hướng tới sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, đối tác và tất cả cán bộ, công nhân viên Công ty đã đồng hành, cống hiến hết mình. Với tinh thần đoàn kết, đổi mới và quyết tâm, tin tưởng rằng chúng ta sẽ vững vàng vượt qua mọi thách thức, khẳng định vị thế và hướng tới tương lai phát triển bền vững.

Trân trọng!
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Văn Thiệu

TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Các chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.498,58	6.441,03	4.413,48	4.439,48	4.330,49
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.189,49	2.834,61	(15,27)	277,66	484,91
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,63	1.779,15	858,28	6,85	10,85
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,63	1.779,15	858,28	6,85	10,85
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	8.029,26	7.581,44	6.745,87	6.247,66	5.786,15
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	(1.977,53)	(252,18)	611,61	618,45	631,64
Nợ phải trả	Tỷ đồng	10.006,79	7.833,63	6.134,26	5.629,21	5.154,51
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	0,01	22,79	11,98	0,11	0,18
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	-0,03	-159,59	477,59	1,11	1,74

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất công nghiệp tại Việt Nam, tiên phong trong công nghệ xanh, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Sứ mệnh

- Cung cấp sản phẩm chất lượng cao: Đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và công nghiệp bằng những sản phẩm phân bón, hóa chất có chất lượng vượt trội, an toàn và hiệu quả.
- Phát triển bền vững: Tích cực áp dụng các công nghệ hiện đại, giảm thiểu tác động môi trường, hướng đến một nền sản xuất xanh và thân thiện với hệ sinh thái.
- Đồng hành cùng nông nghiệp Việt Nam: Góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, giúp nông dân tối ưu hóa sản xuất và tăng thu nhập.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp: Đầu tư vào con người, phát triển môi trường làm việc năng động, sáng tạo và gắn kết.
- Gia tăng giá trị cho cổ đông và đối tác: Duy trì hiệu quả kinh doanh, nâng cao giá trị thương hiệu và đảm bảo lợi ích lâu dài cho các bên liên quan.



02.

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 14 Thông tin chung về doanh nghiệp
- 18 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 23 Định hướng phát triển
- 24 Rủi ro

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Các danh hiệu cao quý

Thông tin khái quát

Logo Công ty



ĐẠM HÀ BẮC
Quán bó cùng nhà nông

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Tên giao dịch quốc tế

HANICHEMCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 06/11/2024.

Địa chỉ

Đường Trần Nguyên Hãn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Vốn điều lệ

2.722.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

2.722.000.000.000 đồng

Số điện thoại

02043854538

Số fax

02043855018

Mã cổ phiếu

DHB

Website

<http://www.damhabac.com.vn>



Năm 2010

Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương độc lập hạng ba.

Năm 2011

Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua.

Năm 2012

Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua.

Chặng đường hình thành và phát triển

Trong quá trình phát triển, Công ty đã được sự quan tâm của các đồng chí Lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Trần Đức Lương đã về thăm và làm việc tại Công ty.

01/05/1960

Nhà máy Phân đạm đầu tiên của Việt Nam được khởi công xây dựng tại tỉnh Bắc Giang

1965

Sau 05 năm xây dựng, Nhà máy đã hình thành với tổng số 130 công trình.

Ngày 03/02/1965 khánh thành Phân xưởng Nhiệt điện.

Ngày 19/05/1965 Phân xưởng Tạo khí đã sản xuất thành công được khí than để làm nguyên liệu sản xuất Amôniac.

Ngày 01/06/1965 Xưởng Cơ khí đi vào hoạt động.

1965 - 1973

Tuy nhiên, do cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ nên Chính phủ quyết định tạm ngừng đưa nhà máy vào sản xuất và phân xưởng Nhiệt điện chuyển thành nhà máy Nhiệt điện Hà Bắc bám trụ sản xuất phục vụ kinh tế và quốc phòng. Xưởng Cơ khí chuyển thành Nhà máy Cơ khí hóa chất Hà Bắc sơ tán lên Lạng Giang và sản xuất theo nhiệm vụ thời chiến, Khu Hóa tháo dỡ thiết bị đưa trở lại Trung Quốc.

Cuộc chiến tranh phá hoại, máy bay Mỹ đã đánh phá Nhà máy Điện 52 trận với hàng ngàn tấn bom đạn. Tự vệ nhà máy đã tham gia chiến đấu 63 trận, góp phần bắn rơi một máy bay Mỹ và bắn bị thương một số chiếc khác.

1973

Nhà máy được khôi phục xây dựng và mở rộng.

1975

Chính phủ hợp nhất Nhà máy Điện Hà Bắc, Nhà máy Cơ khí Hóa chất Hà Bắc và các phân xưởng Hóa thành lập Nhà máy Phân đạm Hà Bắc; Sản xuất ra bao đạm mang nhãn hiệu Lúa vàng đầu tiên.

2016

Ngày 01/01/2016 Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

2006

Ngày 20/10/2006 Công ty chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân Đạm và Hoá chất Hà Bắc

1993

Ngày 13/02/1993 đổi tên thành Công ty Phân đạm và Hoá Chất Hà Bắc.

1988

Ngày 10/10/1988 Nhà máy đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

1976 - 1983

Sản xuất gặp nhiều khó khăn, sản lượng năm 1981 chỉ đạt 9.000 tấn đạm urê bằng 9% công suất thiết kế. Ngày 17/01/1983 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có Chỉ thị 19-CP nhằm duy trì và đẩy mạnh sản xuất của Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

1977

Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân Đạm Hà Bắc, đánh dấu mốc son của ngành sản xuất phân đạm Việt Nam.

1960

2025

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê và NH3 lỏng và các sản phẩm khí công nghiệp



Địa bàn hoạt động

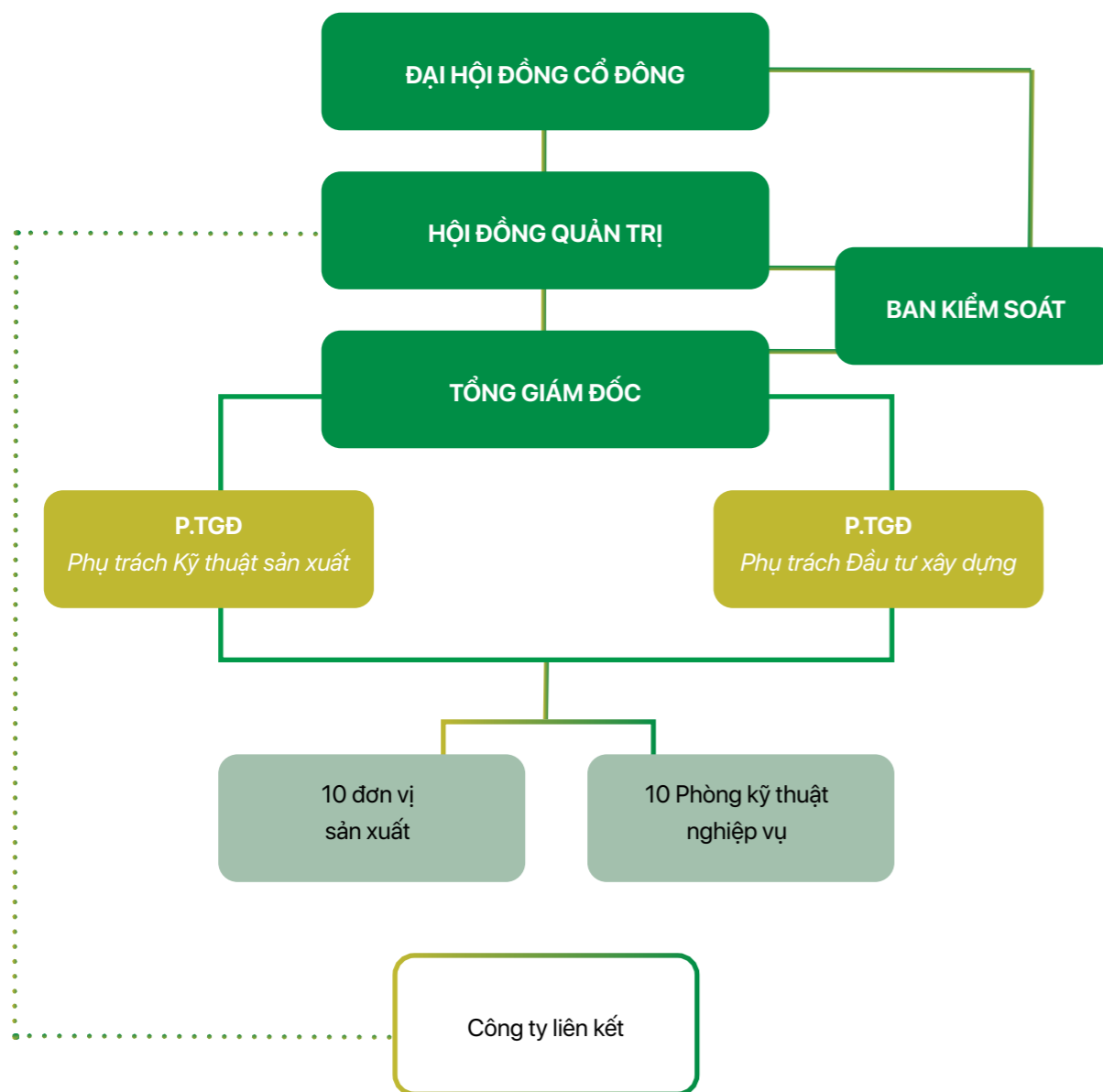
- **Đối với sản phẩm Urê:** Tiêu thụ trên địa bàn cả nước và xuất khẩu, Công ty đã và đang triển khai đưa sản phẩm Urê tới bà con nông dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước châu Á như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Philipin, Đài Loan, Malaysia, Ấn Độ ...
- **Đối với sản phẩm NH3 lỏng:** Công ty bán trực tiếp cho các đơn vị sản xuất như sản xuất phân bón DAP, MAP, sản xuất thuốc nổ, sản xuất mì chính, và bán thông qua nhà phân phối của Công ty trên địa bàn cả nước.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện nay, DHB đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.



Sơ đồ tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 01 thành viên độc lập, 01 thành viên không điều hành và 03 thành viên điều hành. Hội đồng quản trị thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người làm công tác kiêm nhiệm, trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Ban Tổng giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc hiện có Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.

- Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.
- 02 Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành các lĩnh vực công tác của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ

Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Công ty, gồm: Văn phòng Công ty, phòng Tổ chức Nhân sự, phòng Kế hoạch và Đầu tư, phòng Thị trường, phòng Vật tư Vận tải, Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, phòng Kỹ thuật Sản xuất, phòng Cơ khí, phòng Điện Đo lường, phòng KCS.

Các xưởng sản xuất

Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty, gồm: Xưởng Nhiệt, xưởng Tạo khí, xưởng Amôniac, xưởng Urê, xưởng Thành phẩm, xưởng Than, xưởng Điện, xưởng Đo lường Tự động hóa, xưởng Sửa chữa và lắp đặt thiết bị hóa chất, xưởng Nước.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không có công ty con.

Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp của DHB	Tỷ lệ sở hữu của DHB
1	Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Đường Phạm Liêm, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh chính là Cácbonđiôxit lỏng và rắn	24.025.190.000 đồng	8.649.060.000 đồng	36%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Công ty Đạm Hà Bắc, duy trì ổn định sản xuất, hoàn thành mục tiêu hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, bền vững và thân thiện với môi trường.



Xây dựng Công ty Đạm Hà Bắc trở thành một doanh nghiệp mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.



Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Định hướng phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển Trung hạn

Tập trung vào phân khúc Đạm Urê cho sản xuất phân bón giúp khai thác hiệu quả nhu cầu ổn định của thị trường và củng cố thị phần, đồng thời bảo đảm cân đối cung - cầu NH₃, nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị.

Chiến lược phát triển Dài hạn

Hướng tới vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng Urê cho thị trường phân bón, đồng thời không ngừng nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm để khẳng định vị thế cạnh tranh bền vững.

Mục tiêu phát triển bền vững

Công ty đặt ra mục tiêu phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột chính:

- 1 Đồng hành cùng phát triển với nông nghiệp và người nông dân.
- 2 Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong sản xuất.
- 3 Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động Công ty.



Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ diễn biến kinh tế trong nước và toàn cầu. Tăng trưởng chậm lại và biến động tỷ giá có thể làm suy giảm nhu cầu phân bón, hóa chất, qua đó tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận. Đồng thời, những biến động kinh tế thế giới còn làm thay đổi chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu, gia tăng áp lực lên giá thành và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Trong năm 2025, thị trường phân bón toàn cầu tiếp tục thể hiện mức độ nhạy cảm cao trước những điều chỉnh chính sách từ các quốc gia xuất khẩu lớn. Đặc biệt, việc thay đổi chính sách xuất khẩu ure trong năm của Trung Quốc – một trong những nhà cung cấp lớn nhất thế giới – đã tác động đáng kể đến cung cầu thị trường, buộc các doanh nghiệp trong nước phải chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh và chính sách thị trường nhằm thích ứng với diễn biến chung của ngành.



Rủi ro dòng tiền

Ngành sản xuất phân bón và hóa chất có đặc thù chu kỳ thu hồi vốn dài, trong khi nhu cầu đầu tư cho máy móc, công nghệ và dự trữ nguyên vật liệu luôn ở mức cao. Nếu tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm, công nợ khó thu hồi hoặc thị trường suy giảm, Công ty có thể chịu áp lực thiếu hụt dòng tiền, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Bên cạnh đó, các khoản vay phục vụ mở rộng đầu tư làm gia tăng nghĩa vụ trả lãi và gốc trong bối cảnh doanh thu biến động. Hiện Công ty còn đối mặt với áp lực cân đối dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Đề án tái cơ cấu các khoản vay với Ngân hàng Phát triển KV Bắc Đông Bắc, đồng thời phải đảm bảo nguồn vốn trung và dài hạn cho các kế hoạch đầu tư mới. Vì vậy, việc huy động và sử dụng nguồn tài chính cần được tính toán thận trọng, linh hoạt và hiệu quả theo từng giai đoạn.



Rủi ro pháp luật

Ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất là lĩnh vực chịu sự quản lý nghiêm ngặt của cơ quan nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu về an toàn, môi trường và phát triển bền vững ngày càng cao. Việc thay đổi chính sách thuế, tiêu chuẩn chất lượng, quy định về kiểm soát khí thải, cấp phép sản xuất kinh doanh có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Đáng chú ý, Luật Hóa chất 2025 được ban hành với định hướng quản lý chặt chẽ hóa chất trong toàn bộ vòng đời, đặt ra yêu cầu cao hơn về quản trị rủi ro, minh bạch thông tin và đầu tư công nghệ an toàn.

Ngoài ra, là doanh nghiệp đã đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và công bố thông tin; bất kỳ thay đổi hoặc yêu cầu pháp lý mới nào cũng có thể tác động trực tiếp đến hoạt động, chi phí tuân thủ và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.



Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào như khí thiên nhiên, than cám và các hóa chất phụ trợ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất phân đạm và hóa chất, trong đó than giữ vai trò then chốt đối với hoạt động vận hành liên tục của nhà máy. Do đặc thù ngành có mức tiêu hao năng lượng cao, mọi biến động về giá hoặc gián đoạn nguồn cung nguyên liệu đều tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất, biên lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Trong bối cảnh nguồn than trong nước chưa thực sự ổn định, thậm chí phải bổ sung bằng nhập khẩu với chi phí cao, khả năng kiểm soát giá thành sản phẩm của Công ty có thể chịu áp lực đáng kể. Việc phụ thuộc vào nguồn cung từ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và các đối tác nước ngoài cũng làm gia tăng rủi ro về giá cả và tính liên tục của nguồn nguyên liệu, đặc biệt khi thị trường năng lượng toàn cầu biến động, xuất hiện căng thẳng địa chính trị hoặc thay đổi chính sách xuất - nhập khẩu than. Những yếu tố này đòi hỏi Công ty phải chủ động xây dựng chiến lược đa dạng hóa nguồn cung, dự trữ hợp lý và quản trị rủi ro giá nguyên liệu một cách linh hoạt, dài hạn.



Rủi ro về cạnh tranh và thị trường

Ngành phân bón Việt Nam ngày càng cạnh tranh gay gắt do sự gia nhập của các doanh nghiệp mới với công nghệ hiện đại hơn, áp lực từ hàng nhập khẩu khi các hiệp định thương mại tự do giúp phân bón từ Trung Quốc, Nga, Indonesia tràn vào Việt Nam với giá cạnh tranh và thay đổi nhu cầu tiêu dùng khi nông dân chuyển sang phân bón hữu cơ, vi sinh, giảm sử dụng phân đạm truyền thống. Việc vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và trực tiếp, đặc biệt đến từ phân bón nhập khẩu, từ các công ty sản xuất phân bón trong nước dẫn đến rủi ro kinh doanh liên quan đến thị phần của Công ty nếu chính sách bán hàng không điều chỉnh kịp thời với thị trường.



Rủi ro bất khả kháng khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý chí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra.



03.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 32 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Thuận lợi

- Việc Quốc hội tiếp tục thông qua chính sách giảm 2% thuế GTGT trong năm 2025 đã tạo dư địa đáng kể để doanh nghiệp tiết giảm chi phí, tối ưu cơ cấu giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Đây là yếu tố hỗ trợ tích cực, đặc biệt trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn biến động khó lường, gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận.
- Kiến nghị về việc điều chỉnh Luật thuế 71 đã được giải quyết và áp dụng từ tháng 7/2025 góp phần giúp giảm chi phí đầu vào của Công ty, nâng cao lợi thế cạnh tranh so với hàng nhập khẩu.
- Trong năm 2025, mặt bằng giá phân bón nội địa ghi nhận xu hướng tăng tương đối mạnh so với cùng kỳ năm trước. Giá bán bình quân các sản phẩm Urê, NPK, DAP và Kali lần lượt tăng 17%, 25%, 3% và 15%. Đáng chú ý, việc Trung Quốc (quốc gia chiếm khoảng 1/3 nguồn cung Urê toàn cầu) áp dụng chính sách hạn chế xuất khẩu phân bón và việc Ai Cập quyết định gia hạn vô thời hạn việc cắt giảm 30% nguồn cung khí đốt cho toàn bộ các nhà máy sản xuất urê đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn cung toàn cầu. Đồng thời, Nga – nhà sản xuất phân bón lớn thứ hai thế giới – không gia hạn hạn ngạch xuất khẩu kể từ tháng 5/2025 trong bối cảnh các lệnh trừng phạt từ Liên minh châu Âu, tiếp tục siết chặt nguồn cung trên thị trường quốc tế và giúp giá phân bón được cải thiện.
- Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò trụ cột của nền kinh tế Việt Nam, qua đó duy trì nhu cầu ổn định đối với phân bón và các sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất. Với lợi thế thương hiệu lâu năm, uy tín trên thị trường cùng hệ thống phân phối rộng khắp, Công ty có điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả nhu cầu này, đảm bảo sản lượng tiêu thụ và củng cố vị thế cạnh tranh.

Khó khăn



- Bước sang đầu năm 2025, hoạt động sản xuất – kinh doanh đối mặt với nhiều bất lợi khi thiên tai diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước. Chuỗi bão lũ liên tiếp tại miền Bắc và miền Trung gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, làm đứt gãy chu kỳ canh tác; trong khi đó, tình trạng lũ bất thường ngập sâu và kéo dài tại miền Tây tiếp tục tàn phá diện tích lớn cây trồng, khiến nhu cầu tiêu thụ phân bón thực tế suy giảm rõ rệt. Những yếu tố này không chỉ làm giảm công suất vận hành mà còn kéo theo chi phí bảo trì, sửa chữa gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ sản xuất và khả năng cung ứng sản phẩm ra thị trường.
- Giá khí đầu vào – nguyên liệu cốt lõi trong sản xuất urê – duy trì xu hướng tăng do sự phụ thuộc ngày càng lớn vào các nguồn khí có giá thành cao, trong bối cảnh các mỏ khí giá rẻ dần suy giảm sản lượng. Đồng thời, làn sóng phân bón nhập khẩu giá thấp từ các thị trường lân cận gia tăng mạnh nhằm giải phóng tồn kho toàn cầu, tạo áp lực cạnh tranh gay gắt về giá và thị phần đối với các doanh nghiệp trong nước.
- Sản xuất luôn trong tình trạng thiếu lao động, nhiều cương vị phải huy động thêm giờ thời gian dài, số lao động tuyển mới không đủ để bổ sung do tiền lương không hấp dẫn, thu nhập của người lao động ở mức thấp chưa thu hút và giữ được người lao động.
- Dây chuyền sản xuất sau cải tạo - mở rộng đã vận hành hơn 10 năm nên có những phát sinh về thiết bị làm gián đoạn sản xuất.
- Bên cạnh đó, việc siết chặt các tiêu chuẩn phát thải cùng với sự thay đổi trong tập quán canh tác, khi nông dân dần ưu tiên các dòng phân bón hữu cơ và sản phẩm tan chậm, đã đặt ra thách thức lớn đối với nhóm phân bón vô cơ truyền thống, buộc doanh nghiệp phải đẩy mạnh chuyển đổi sản phẩm và tái cơ cấu danh mục kinh doanh để thích ứng.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2025	TH năm 2025	TH năm 2024	% KH năm 2025	Tăng trưởng 2025/2024
1	Chỉ tiêu sản xuất chính						
*	Tổng sản lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng NH3 sản xuất)	tấn	450.000	396.522	434.268	88,12%	91,31%
-	Sản lượng SX Urê	tấn	390.430	384.626	397.658	98,51%	96,72%
-	Sản lượng NH3 TP	tấn	32.000	6.293	19.486	19,67%	32,29%
2	Chỉ tiêu tiêu thụ						
*	Tổng sản lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng NH3 sản xuất)	tấn	445.556	393.093	440.882	88,23%	89,16%
-	Sản lượng SX Urê	tấn	390.000	382.168	407.052	97,99%	93,89%
-	Sản lượng NH3 TP	tấn	32.000	6.293	19.486	19,67%	32,29%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.607	4.354	4.466	94,49%	97,49%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	123	10,85	6,8	8,8%	158,57%

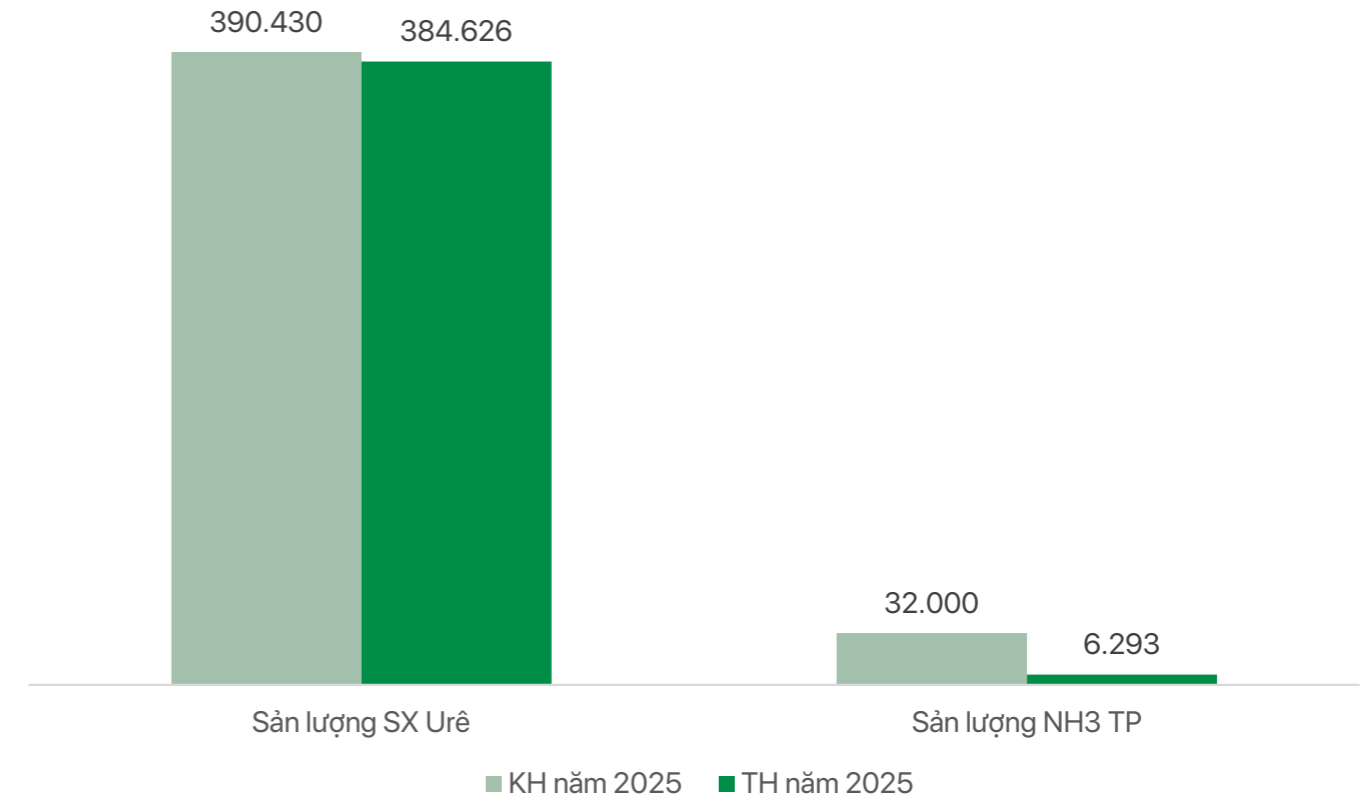
Năm 2025, hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt do sự cố thiết bị buộc nhà máy phải dừng vận hành trong thời gian dài, làm suy giảm đáng kể sản lượng sản xuất và tiêu thụ so với kế hoạch. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và kịp thời của Ban lãnh đạo, cùng tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã nhanh chóng triển khai các giải pháp khắc phục, từng bước khôi phục hoạt động sản xuất trong thời gian sớm nhất và duy trì vận hành ổn định trong các tháng cuối năm.

Song song với công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhằm đảm bảo an toàn và tính liên tục của dây chuyền, Công ty chủ động áp dụng giải pháp mua bổ sung NH3 để phục vụ sản xuất Urê, qua đó tối ưu công suất và đạt sản lượng cao nhất có thể trong điều kiện cho phép. Cơ cấu sản phẩm được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với diễn biến cung – cầu thị trường; các chính sách bán hàng được triển khai chủ động, bám sát thực tiễn, góp phần thúc đẩy tiêu thụ ngay cả trong giai đoạn trái vụ. Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ ngân hàng theo đề án tái cơ cấu, đảm bảo uy tín tài chính và duy trì sự ổn định hoạt động.

Kết quả, năm 2025 ghi nhận lợi nhuận 10,85 tỷ đồng, chưa đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra nhưng tăng 58,57% so với thực hiện năm 2024. Đây là năm thứ năm liên tiếp kể từ năm 2021 Công ty kinh doanh có lãi, khẳng định sự phục hồi bền vững và hiệu quả trong điều hành. Thu nhập và tiền lương của người lao động được đảm bảo, tạo nền tảng ổn định để đội ngũ nhân sự yên tâm gắn bó và đồng hành cùng sự phát triển lâu dài của Công ty.

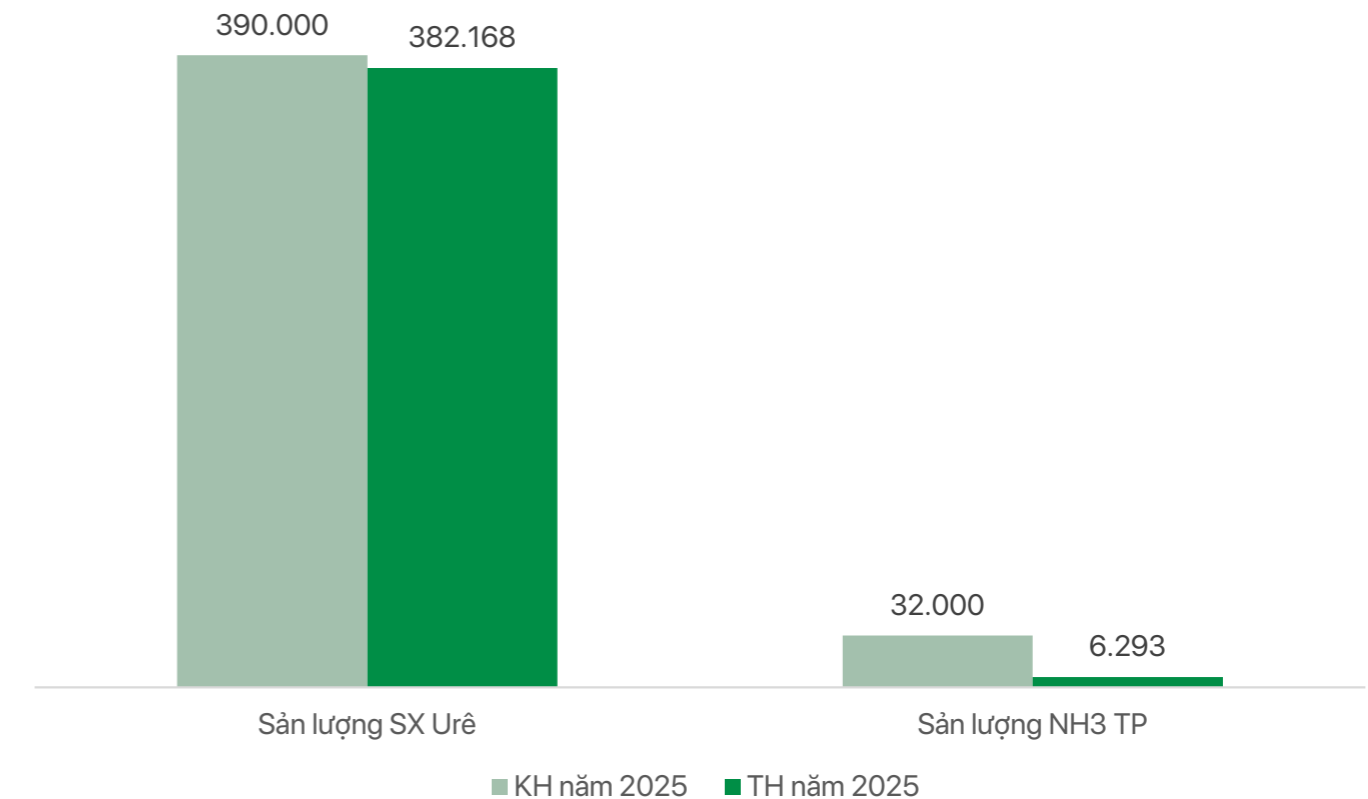
Chỉ tiêu sản xuất chính

Đơn vị: Tấn



Chỉ tiêu tiêu thụ

Đơn vị: Tấn



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị



TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Đình Hồng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Nguyễn Tuyến Anh	Thành viên độc lập HĐQT



Ông Nguyễn Văn Thiệu – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1965
 Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế
 Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 102.511.000 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1968
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, thạc sỹ QTKD
 Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Phạm Văn Trung - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế; Thạc sỹ QTKD
 Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Nguyễn Đình Hồng - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sỹ QTKD
 Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Bà Nguyễn Tuyến Anh - Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sỹ QTKD
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Danh sách Ban điều hành



TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng

Thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2025, không có sự thay đổi trong cơ cấu ban điều hành Công ty.



Ông Nguyễn Văn Dũng – Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, thạc sỹ QTKD
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Phạm Văn Trung - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế; Thạc sỹ QTKD
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Nguyễn Đình Hồng - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sỹ QTKD
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần.
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Lê Anh Tuấn – Kế toán trưởng

Năm sinh: 1981
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý.
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Hoàng Thị Linh Giang	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2025)
2	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát
3	Bà Đặng Thị Minh Lý	Thành viên ban kiểm soát



Bà Hoàng Thị Linh Giang – Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh: 1990
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên ban kiểm soát

Năm sinh: 1974
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, thạc sỹ QTKD
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3000 cổ phần.



Bà Đặng Thị Minh Lý – Thành viên ban kiểm soát

Năm sinh: 1994
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
 Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.



DHDCĐ thường niên 2025 đã thông qua việc miễn nhiệm ông Hà Xuân Hán – Trưởng Ban kiểm soát và bầu bổ sung bà Hoàng Thị Linh Giang vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026.



Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	465	36,82	428	35,17
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	718	56,85	669	54,97
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	72	5,70	89	7,31
4	Lao động phổ thông	8	0,63	31	2,55
II	Theo giới tính				
1	Nam	900	71,26	863	70,91
2	Nữ	363	28,74	354	29,09
Tổng cộng		1.263	100	1.217	100

Tóm tắt chính sách đối với người lao động

Công ty luôn xác định người lao động là tài sản quý giá và là nền tảng cho sự phát triển bền vững, vì vậy các chính sách chăm lo sức khỏe, an toàn và phúc lợi được triển khai đồng bộ, thiết thực. 100% người lao động được bố trí việc làm ổn định, tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định; được phục vụ bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất, hỗ trợ chi phí xăng xe hằng tháng và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo vị trí công việc. Công ty duy trì bộ phận y tế luôn túc trực 24/24h, tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1-2 lần/năm tùy nhóm lao động. Riêng năm 2025, Công ty đã chi hơn 168 triệu đồng trợ cấp, hỗ trợ cho hàng trăm lượt cán bộ công nhân viên khi ốm đau, tai nạn hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn, qua đó kịp thời động viên và sẻ chia với người lao động.

Song song với chính sách phúc lợi, Công ty đặc biệt chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đảm bảo việc làm lâu dài và tạo cơ hội thăng tiến. Tổng số giờ đào tạo hằng năm đạt trên 254.000 giờ, bình quân 174 giờ/người, tập trung chủ yếu cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chương trình đào tạo được xây dựng bài bản, bao gồm kèm cặp nâng bậc tay nghề, đào tạo đa kỹ năng để vận hành linh hoạt nhiều vị trí trên dây chuyền hiện đại, cử cán bộ tham gia các khóa học tại cơ sở đào tạo uy tín hoặc mời giảng viên về giảng dạy tại Công ty. Đồng thời, doanh nghiệp hợp tác với các đơn vị chuyên môn để tổ chức các khóa huấn luyện an toàn, sơ cấp cứu, vận hành thiết bị và đào tạo nâng bậc – nâng lương, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo thu nhập và phát triển sự nghiệp bền vững cho người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Năm 2025

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận 1 số kết quả trong hoạt động đầu tư xây dựng như sau:

03 Dự án

Đã thực hiện xong:

Máy phân tích lưu huỳnh trong than;
Máy phân tích nhiệt lượng than;
Xe xúc lật (dung tích gầu ~ 0,167m3)

03 Dự án

Đang triển khai:

Thiết bị đo nồng độ ppm O2;
Hệ thống Robot xếp bao Urê;
Công trình thu hồi lưu huỳnh 657.

Ngoài ra Công ty tiếp tục tập trung vào việc giải quyết những tồn tại của Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

2021 - 2025

Trong 05 năm qua, Công ty đã thực hiện các hạng mục, dự án đầu tư với giá trị đạt 21,7 tỷ đồng, chủ yếu là các hạng mục phục vụ cho sản xuất như:

21,7 Tỷ VNĐ

Giá trị đầu tư xây dựng các hạng mục, dự án trong giai đoạn 2021 - 2025

20 Dự án

Đã thực hiện xong:

Dự án mua sắm thiết bị lò nung; máy quang phổ; máy photocopy; mua xe ô tô 16 chỗ ngồi; xe nâng 3 tấn KOMASU (02 chiếc); xe ô tô 29 chỗ ngồi; xe ô tô điện Bus 11 chỗ; Máy nghiền rung 3 cối; xe ô tô 7 chỗ; hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục tại cửa ra trạm xử lý nước thải A/O; máy phân tích lưu huỳnh trong than; Máy phân tích nhiệt lượng than; Xe xúc lật (dung tích gầu ~ 0,167m3)...

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng trước khi thông qua. Hội đồng quản trị chỉ quyết định đầu tư đối với những công trình, dự án thật sự cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chính vì vậy các công trình, dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng đều mang lại hiệu quả kinh tế cao; trình tự, thủ tục thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng do Hội đồng quản trị ban hành.

Hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Không có

Công ty liên kết

DHB có 01 Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc



Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2024	TH năm 2025	TH 2025/2024
1	Tổng tài sản	40.635	35.515	87,40%
2	Doanh thu thuần	39.593	22.703	57,34%
3	Giá vốn hàng bán	25.520	16.669	65,32%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	474	494	104,22%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	3.423	3.666	107,10%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.137	2.534	22,75%
7	Lợi nhuận khác	0	283	N/a
8	Lợi nhuận trước thuế	11.125	2.818	25,33%
9	Lợi nhuận sau thuế	8.879	2.361	26,59%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tóm tắt tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng
Tổng tài sản (tại ngày 31/12/2025)	Tỷ đồng	6.247,66	5.786,15	-7,39%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.439,48	4.330,49	-2,45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(190,55)	52,33	N/a
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	197,40	(41,48)	N/a
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,85	10,85	58,57%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,85	10,85	58,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0	0	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Nhóm chỉ số thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,23
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,63	0,77
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,32	0,32
Nhóm chỉ số cơ cấu vốn			
Nợ/ Tổng tài sản	%	90,10	89,08
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	910,21	816,05
Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản	%	44,58	39,39
Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	7,27	7,02
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	50,23	52,00
Vòng quay khoản phải thu bình quân	Vòng	22,50	18,71
Số ngày phải thu bình quân	Ngày	16,22	19,51
Vòng quay khoản phải trả bình quân	Vòng	10,40	8,07
Số ngày phải trả bình quân	Ngày	35,11	45,22
Số ngày chuyển đổi tiền mặt	Ngày	31,34	26,30
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,68	0,72
Nhóm chỉ số khả năng sinh lợi			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	6,25	11,20
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	%	(4,29)	1,21
Tỷ suất LNST	%	0,15	0,25
ROAA	%	0,11	0,18
ROEA	%	1,11	1,74



Nhìn chung, năm 2025 ghi nhận những cải thiện đáng kể về chất lượng hiệu quả kinh doanh của Công ty. Mặc dù doanh thu thuần đạt xấp xỉ 4.331 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,45% so với năm trước, Công ty đã chủ động tối ưu giá vốn hàng bán, giảm 7,6% xuống còn 3.845,58 tỷ đồng nhờ kiểm soát tốt giá nguyên vật liệu đầu vào và tận dụng chính sách hỗ trợ thuế GTGT. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm gần 20% so với năm 2024, còn 218,47 tỷ đồng, góp phần cải thiện đáng kể biên lợi nhuận. Nhờ các giải pháp đồng bộ trong quản trị chi phí và cơ cấu tài chính, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt hơn 10,85 tỷ đồng, tăng 58,57% so với năm trước, cho thấy xu hướng phục hồi và củng cố nền tảng tài chính theo hướng bền vững hơn. Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng tài sản của Công ty đạt 5.786,15 tỷ đồng, giảm 7,39% so với thời điểm cuối năm 2024.

Năm 2025, tình hình hoạt động của công ty cho thấy xu hướng cải thiện rõ rệt về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn và hiệu quả sinh lời, dù một số chỉ tiêu hiệu quả vận hành còn biến động. Về thanh khoản, khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,09 lên 1,23 lần và khả năng thanh toán nhanh tăng từ 0,63 lên 0,77 lần, cho thấy năng lực đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn được cải thiện đáng kể. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 57,33% lên 75 tỷ đồng và các khoản phải thu ngắn hạn tăng 39,41% lên 344 tỷ đồng trong năm 2025. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán bằng tiền duy trì ở mức ổn định, ở mức 0,32 lần.

Về cơ cấu vốn, các chỉ số đòn bẩy tài chính có xu hướng giảm tích cực: tỷ lệ Nợ trên Tổng tài sản giảm từ 90,10% tại thời điểm 31/12/2024 xuống 89,08% tại thời điểm 31/12/2025; Nợ trên Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 910,21% xuống 816,05%; đặc biệt, tỷ lệ nợ vay và thuê tài chính trên tổng tài sản giảm từ 44,58% xuống 39,39%. Chỉ số đòn bẩy giảm nhờ việc công ty đã thực hiện gia tăng trả gốc nợ vay trong năm. Điều này cho thấy công ty đã từng bước giảm áp lực vay nợ và cải thiện mức độ tự chủ tài chính, dù tỷ lệ đòn bẩy vẫn ở mức cao.

Về hiệu quả hoạt động, vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ, số ngày tồn kho tăng từ khoảng 50 lên 52 ngày, phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa chậm hơn. Vòng quay khoản phải thu giảm, kéo theo số ngày phải thu tăng từ 16 lên hơn 19 ngày, cho thấy công tác thu hồi công nợ có phần chậm lại. Tuy nhiên, số ngày phải trả bình quân tăng từ xấp xỉ 35 lên hơn 45 ngày phản ánh việc công ty kéo dài thời gian thanh toán cho nhà cung cấp. Nhờ đó, số ngày chuyển đổi tiền mặt giảm từ hơn 31 ngày xuống còn khoảng 26 ngày, thể hiện khả năng quản trị dòng tiền được cải thiện. Đồng thời, hiệu suất sử dụng tài sản tốt hơn khi doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân tăng từ 0,68 lên 0,72 lần.

Đáng chú ý, nhóm chỉ số sinh lợi ghi nhận sự cải thiện mạnh mẽ. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 6,25% lên 11,20%; tỷ suất lợi nhuận hoạt động chuyển từ âm 4,29% sang dương 1,21%, cho thấy hoạt động cốt lõi đã phục hồi tích cực, nhờ giảm giá nguyên vật liệu đầu vào, tối ưu chi phí vận hành. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế, ROAA và ROEA đều tăng so với năm 2024, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu được nâng cao.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã phát hành 272.200.000 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất	
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	
Mã chứng khoán	DHB	
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu	
Ngày bắt đầu niêm yết	26/07/2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán DHB.	
Số cổ phiếu phổ thông	272.200.000	cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi	0	cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	270.896.200	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	1.303.800	cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025	Không có	

Các chứng khoán khác

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã phát hành 272.200.000 cổ phiếu. Trong đó:



Cơ cấu cổ đông

	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu	272.200.000	100%	1.390	19	1.371
Cổ đông nhà nước (*)	265.831.000	97,66%	1	1	0
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên) (*)	265.831.000	97,66%	1	1	0
- Trong nước	265.831.000	97,66%	1	1	0
- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
Cổ đông nhỏ	6.369.000	2,34%	1.389	18	1.371
- Trong nước	6.368.800	2,34%	1.387	18	1.369
- Nước ngoài	200	0,00007%	2	0	2
Công đoàn Công ty	160.000	0,06%	1	1	0
Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0	0

(*) Công ty có 01 cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn.

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của DHB chốt ngày 23/03/2026

Danh sách cổ đông lớn

Trong năm 2025, không có sự thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn tại Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Tên	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ (cổ đông cá nhân)/ Trụ sở (cổ đông tổ chức)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)
1	Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	2180/QĐ-TTg	1A Tràng Tiễn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	265.831.000	97,7%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của DHB chốt ngày 23/03/2026

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không thống kê
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2025
1	Than cám 4B	tấn	77.200
2	Than cám 5A	tấn	296.064
3	Than cám 4A	tấn	342.209
4	Dầu điều đốt lò	kg	101.501
5	Nước tuần hoàn	m3	340.622.980
6	Bao bì Urê 50 kg (Urê Hà Bắc)	bộ	5.690.607
7	Bao bì Urê 25 kg	bộ	930.161

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2025	Tỷ lệ (%)
1	Tro lò hơi	tấn	0	0%
2	Bã chua lò Shell	tấn	7.622	2,23%
3	Dầu thu hồi	lít	0	0%

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng lượng điện sử dụng năm 2025 là: 256.431.896 kWh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2025 là: 45,0 tỷ đồng. Trong đó, tiết kiệm định mức than là 5,3 tỷ đồng, tiết kiệm điện là: 9,1 tỷ đồng.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2025 tiếp tục triển khai 2 giải pháp sau:

- Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ để tách lưới giữ ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.
- Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xường Nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.



Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.
- Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2025 là: 340.622.890 m3.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 97,5%

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ người nghèo, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn của Công ty.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Không có



Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Đến ngày 31/12/2025 Công ty có 1.217 lao động. Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2025 là: 14,055 triệu đồng/người/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- 100% người lao động được bố trí đủ việc làm; được đóng BHXH, BHYT, BHTN, ... theo quy định; người lao động đi làm được Công ty phục vụ 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền; được hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng; được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc, ...
- Công ty có phòng Y tế gồm 07 người, luôn thường trực 24/24h.
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 01 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 02 lần/năm.
- Năm 2025 Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn đột xuất 131.800.000 đồng cho 460 lượt người lao động; chi trợ giúp 36.900.000 đồng cho 58 lượt người lao động nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.

Hoạt động đào tạo người lao động

	Tổng số giờ đào tạo trung bình/năm (giờ)	Theo tổng số nhân viên (giờ/người)	Theo phân loại lao động	
			Lao động gián tiếp (giờ/người)	Lao động trực tiếp (giờ/người)
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	254.524	174	08	214

Công ty sản xuất Phân đạm trên dây chuyền hiện đại nên việc đào tạo người lao động thường xuyên là vấn đề mấu chốt đảm bảo cho quá trình sản xuất được ổn định, lâu dài. Để đáp ứng được yêu cầu đó, hằng năm công ty lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho từng đối tượng lao động, cụ thể như các chương trình sau:

- Bố trí thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp để họ được nâng cao tay nghề, đáp ứng đủ tiêu chuẩn từng cấp bậc thợ để được xét duyệt thi nâng bậc lương hàng năm theo quy chế đào tạo của Công ty; đào tạo một người có thể vận hành được nhiều cương vị, vị trí khác nhau trong dây chuyền với mục đích giúp người lao động nâng cao hiểu biết về chuyên môn, làm chủ được dây chuyền sản xuất, linh hoạt trong bố trí sử dụng và đảm bảo cho người lao động có đủ việc làm.
- Cử người lao động đến các trung tâm đào tạo được phép hoặc mời giảng viên tại các Viện, Trường đại học có uy tín về công ty giảng dạy để người lao động học hỏi, trao đổi, nâng cao nghiệp vụ kiến thức cũng như chuyên môn để đáp ứng được điều kiện để tăng lương;
- Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp với các chương trình như sau:
 - Hợp tác với Trường Cao đẳng Công nghệ Thương mại mở lớp "Đào tạo và cấp chứng chỉ nghề Vận hành xe nâng".
 - Hợp tác với Công ty Cổ phần Huấn luyện Kiểm định An toàn Công nghiệp 1 mở lớp huấn luyện kỹ năng sơ cứu, cấp cứu ban đầu tại nơi làm việc.
 - Đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc, nâng lương cho người lao động
 - Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
 - Đào tạo thêm cương vị, đào tạo lại để bố trí sắp xếp lại lao động.



04.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 52 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
- 54 Tình hình tài chính
- 56 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, chính sách điều hành
- 58 Phương hướng phát triển năm 2026
- 60 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 60 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Tình hình hoạt động năm 2025 và đánh giá của ban điều hành

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	4.439,48	4.330,49	-2,45%
Giá vốn hàng bán	4.161,82	3.845,58	-7,60%
Lợi nhuận gộp	277,66	484,91	74,64%
Doanh thu hoạt động tài chính	26,90	13,07	-51,41%
Chi phí tài chính	272,94	218,47	-19,95%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	203,31	173,66	-14,58%
Chi phí bán hàng	86,35	86,00	-0,40%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	135,82	141,17	3,94%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(190,55)	52,33	-127,46%
Lợi nhuận khác	197,40	(41,48)	-121,01%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,85	10,85	58,57%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,85	10,85	58,57%

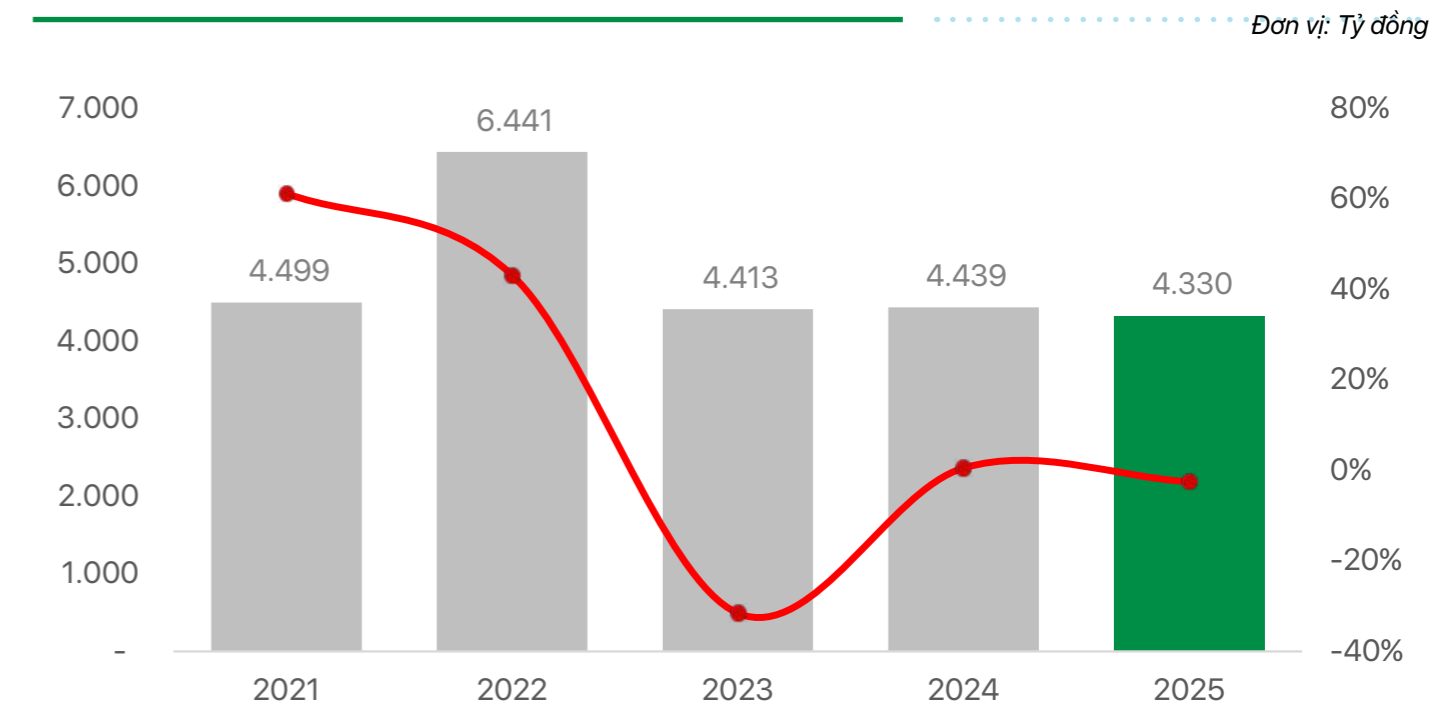
Mặc dù hoạt động SX-KD gặp nhiều khó khăn thách thức do sự cố về thiết bị phải dừng máy dài ngày làm giảm sản lượng sản xuất - tiêu thụ nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ban lãnh đạo cùng với sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể CBCNV, Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, khôi phục lại sản xuất trong thời gian sớm nhất và duy trì chạy máy ổn định trong những tháng cuối năm 2025, kết hợp giải pháp mua thêm NH3 để sản xuất Urê nhằm đạt sản lượng sản xuất cao nhất, với cơ cấu sản phẩm hợp lý, đáp ứng tốt thị trường, cùng với giải pháp, chính sách bán hàng linh hoạt, bám sát thị trường để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ trong giai đoạn trái vụ; đảm bảo trả nợ các ngân hàng đầy đủ bám sát để án tái cơ cấu, thực hiện tốt công tác sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo cho sản xuất. Hoạt động SX-KD năm 2025 tiếp tục có hiệu quả và là năm thứ 5 có lãi liên tiếp kể từ năm 2021, tiền lương và thu nhập được đảm bảo giúp người lao động yên tâm làm việc tại Công ty.

Về doanh thu và biên lợi nhuận gộp, doanh thu thuần năm 2025 đạt gần 4.330,5 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,45% so với năm 2024, phản ánh bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán giảm mạnh 7,6% (tương đương giảm hơn 316 tỷ đồng), xuống còn gần 3.845,6 tỷ đồng do chi phí một số nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là dầu, giảm đáng kể, cùng với việc Công ty chủ động tối ưu định mức tiêu hao và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu so với kế hoạch đề ra. Nhờ đó, lợi nhuận gộp tăng đột biến 74,64%, đạt 484,9 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện rõ rệt, cho thấy công ty đã tối ưu hiệu quả sản xuất, kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu đầu vào và nâng cao năng suất vận hành.

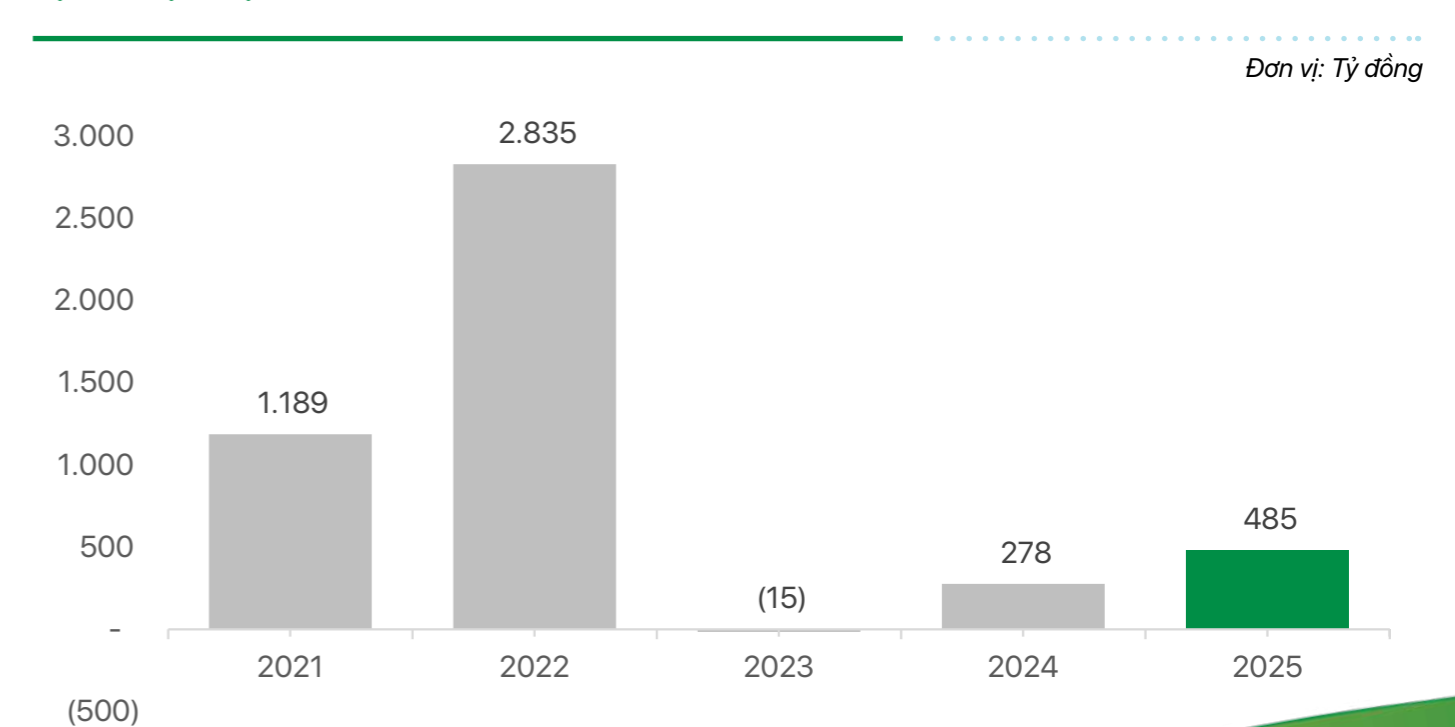
Về hoạt động tài chính và quản lý chi phí, doanh thu tài chính giảm 51,41% xuống còn 13,07 tỷ đồng, cho thấy nguồn thu từ hoạt động đầu tư hoặc tài chính không còn đóng góp nhiều như năm trước. Tuy nhiên, chi phí tài chính đạt gần 218,5 tỷ đồng, giảm gần 20%, đặc biệt chi phí lãi vay đạt 173,7 tỷ đồng, giảm 14,58% so với năm ngoái, phản ánh nỗ lực giảm dư nợ hoặc tái cơ cấu các khoản vay với chi phí hợp lý hơn. Chi phí bán hàng gần như giữ ổn định, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ 3,94%, cho thấy công ty vẫn kiểm soát tốt chi phí vận hành chung.

Điểm đáng chú ý nhất là sự đảo chiều mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh chính. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chuyển từ khoản lỗ gần 190,6 tỷ đồng năm 2024 sang lãi 52,2 tỷ đồng năm 2025. Điều này chứng minh hiệu quả thực sự của các biện pháp tái cơ cấu, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu suất sản xuất. Tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt 10,8 tỷ đồng, tăng 58,57% so với năm 2024. Dù mức lợi nhuận tuyệt đối còn khiêm tốn so với quy mô doanh thu hơn 4.300 tỷ đồng, nhưng cơ cấu lợi nhuận đã tích cực hơn khi đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi thay vì phụ thuộc vào lợi nhuận khác. Đây là tín hiệu cho thấy nền tảng tài chính đang được củng cố theo hướng bền vững hơn, tạo tiền đề cho tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo nếu công ty tiếp tục duy trì kỷ luật chi phí và cải thiện sản lượng tiêu thụ.

Doanh thu thuần



Lợi nhuận gộp



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	6.247,7	5.786,2	-7,39%
Tài sản ngắn hạn	1.280,7	1.480,6	15,62%
- Tiền và tương đương tiền	371,8	390,4	4,99%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	48,0	75,5	57,33%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	247,3	344,8	39,42%
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng	194,5	268,5	38,02%
Trong đó: Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5,2)	(5,2)	0,00%
- Hàng tồn kho	539,1	556,7	3,25%
- Tài sản ngắn hạn khác	74,4	113,3	52,27%
Tài sản dài hạn	4.967,0	4.305,5	-13,32%
- Các khoản phải thu dài hạn	740,8	740,8	0%

Tổng tài sản

5.786,2
tỷ đồng

Công nợ phải thu

1.085,6
tỷ đồng

Tình hình quản lý tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 5.786,2 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.480,6 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 4.305,5 tỷ đồng.

Tình hình công nợ phải thu: Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2025 là 1.085,6 tỷ đồng (trong đó nợ phải thu ngắn hạn là 344,8 tỷ đồng; nợ phải thu dài hạn là 740,8 tỷ đồng).

- Đối với nợ phải thu ngắn hạn của Công ty Chủ yếu là phải thu của khách hàng phát sinh do Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đối với khoản nợ phải thu của Công ty Ngũ hoàn là 54 tỷ đồng phát sinh khi Công ty cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác trong giai đoạn chạy thử Dự án Cải tạo – Mở rộng Nhà máy, do Dự án chưa quyết toán A-B nên Công ty chưa thu được khoản công nợ trên.
- Đối với khoản phải thu dài hạn đáng lưu ý là khoản nợ phải thu đối với Công ty Ngũ hoàn là 740,8 tỷ đồng do Công ty tự lập quyết toán hợp đồng EPC theo Thông tư của Bộ Tài chính nhưng Nhà thầu không đồng ý vì cho rằng hợp đồng EPC là tổng giá cố định.
- Trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phát sinh đối với Công ty Constrexim- Meco là: 5,2 tỷ đồng.



Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng
Nợ phải trả	5.629,2	5.154,5	-8,43%
Nợ ngắn hạn	1.173,6	1.203,1	2,52%
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	386,1	566,7	46,75%
Nợ dài hạn	415,3	284,0	-31,61%
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	4.455,6	3.951,4	-11,32%

Công nợ phải trả

5.154,5
tỷ đồng

- Tình hình công nợ phải trả: Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2025 là 5.154,5 tỷ đồng (trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 1.203,1 tỷ đồng; nợ phải trả dài hạn là 3.951,4 tỷ đồng).
- Trong giai đoạn 2021-2025, Công ty đã trả nợ vay đầu tư cho các Ngân hàng được 6.284 tỷ đồng (trong đó VDB trả gốc được 2.694 tỷ đồng và trả lãi vay 709 tỷ đồng; đối với ngân hàng thương mại trả gốc được 2.413 tỷ đồng và trả lãi vay được 468 tỷ đồng).
- Khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Tình hình tài chính của Công ty năm 2025 tuy đã được cải thiện, tốt hơn các năm trước, tuy nhiên hệ số thanh toán nợ vẫn còn ở mức thấp.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH ĐIỀU HÀNH

Công tác điều hành sản xuất, quản lý vật tư thiết bị

Năm 2025, Công ty đã tập trung nỗ lực duy trì chạy máy đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và môi trường. Tuy nhiên, công tác điều hành sản xuất gặp nhiều khó khăn do những diễn biến khó lường về máy móc thiết bị tác động đến hệ thống dây chuyền làm giảm quỹ thời gian và sản lượng sản xuất. Công ty có tổng cộng 6 lần ngừng máy toàn hệ thống với thời gian ngừng 95 ngày /45 ngày kế hoạch, trong đó có 02 lần ngừng máy theo kế hoạch và 04 lần ngừng máy đột xuất khu hóa với tâm điểm là sự cố hộp lạnh công đoạn phân ly không khí thuộc xưởng Tạo khí dẫn đến dây chuyền phải ngừng máy 2 tháng xử lý, khắc phục các phát sinh.

Trước những khó khăn trong công tác sản xuất, Công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp linh hoạt để nhanh chóng khôi phục lại sản xuất, đảm bảo duy trì chạy máy ổn định trong những tháng cuối năm, đặc biệt triển khai mua NH3 cho sản xuất Urê góp phần tăng sản lượng và nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty. Kết quả, dây chuyền chạy máy thời gian là 270 ngày/320 ngày theo kế hoạch với phụ tải bình quân của dây chuyền (theo sản phẩm Urê) đạt khoảng 90%. Các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn định mức kế hoạch.

Các biện pháp quản trị điều hành sản xuất của Công ty

- Tập trung cao trong công tác chạy máy, cân đối phụ tải sản xuất, điều chỉnh các chỉ tiêu công nghệ phù hợp để giảm định mức tiêu hao, đảm bảo an toàn và môi trường. Thực hiện tốt việc đảo trộn than đồng đều trước khi cấp cho sản xuất để ổn định công nghệ lò hơi, lò Shell, giảm định mức tiêu hao.
- Đảm bảo hệ thống điện lưới, thực hiện tốt việc tách lưới dây chuyền 2 khi điện lưới dao động để đảm bảo an toàn cho sản xuất.
- Triển khai phương án mua NH3 lỏng với giá hợp lý cho sản xuất Urê để tăng sản lượng sản xuất với tổng lượng Urê sản xuất thêm năm 2025 được 11.334 tấn.
- Thực hiện tốt công tác mua và sử dụng vật tư với giá mua cạnh tranh, chất lượng và hiệu quả theo quy định của Công ty, đảm bảo than, điện và các vật tư khác phục vụ sản xuất. Tăng cường mua than cám 5a.1 ngoài TKV với giá cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh tế. Đặc biệt là mua và sử dụng than cám 4b.1 của TKV và các hộ khác cho lò Nhiệt điện hiệu quả hơn than 5a.1 với nhiệt trị cao hơn và định mức tiêu hao than thấp hơn than cám 5a.1.
- Thường xuyên kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ tại các đơn vị, đảm bảo an toàn cho sản xuất. Thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường trong Công ty.
- Xây dựng và triển khai Phương án ứng phó trong mùa mưa bão: Kiểm tra các công trình, nhà xưởng, che chắn thiết bị, các kho vật tư, nguyên liệu sản phẩm đảm bảo an toàn cho người và máy móc thiết bị khi có mưa to gió lớn đồng thời phân công người trực trong thời gian xảy ra mưa bão.
- Tập trung đẩy mạnh công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và sáng kiến, giải pháp trong SXKD (năm 2025 có 18 sáng kiến được công nhận với giá trị làm lợi đạt 26,5 tỷ đồng).

Công tác quản trị tiết giảm chi phí

Năm 2025, Công ty đã tiết giảm chi phí được 68 tỷ đồng, trong đó:

- Tiết giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu so với định mức kế hoạch thực hiện được 48 tỷ đồng.
- Tiết giảm chi phí trong công tác lựa chọn nhà thầu cả năm 2025 thực hiện được 20 tỷ đồng so với giá gói thầu được duyệt, góp phần nâng cao hiệu quả SX-KD cho Công ty.

Công tác sửa chữa máy móc, thiết bị

Công ty đã thực hiện tốt việc sửa chữa các hạng mục theo kế hoạch từ đầu năm để bảo dưỡng máy móc thiết bị và sửa chữa trong các lần ngừng máy đột xuất để khắc phục những phát sinh của dây chuyền và nhanh chóng đưa dây chuyền đi vào vận hành. Đặc biệt trong đợt ngừng máy đột xuất quý III để khắc phục sự cố thiết bị, Công ty đã tập trung, tích cực phối hợp với nhà bản quyền và các đơn vị tham gia sửa chữa để hoàn thành hạng mục cải tạo tháp chưng C01301 thay tầng đĩa bằng tầng đệm và thử rò hệ thống phân ly không khí nhanh nhất có thể theo nguyên tắc đảm bảo tuyệt đối về chất lượng, an toàn cho con người, thiết bị và môi trường.

Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm

Đối với sản phẩm Urê:

Tình hình mưa bão lũ diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp làm giảm nhu cầu phân bón, bên cạnh đó trong thời gian ngừng máy sửa chữa dài ngày, Công ty không có hàng bán khi vào vụ tiêu thụ. Giá Urê duy trì ở mức thấp theo giá thế giới nên công tác tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Công ty đã tích cực bám sát diễn biến thị trường, trong những tháng cuối năm chủ động đưa hàng về các vùng tiêu thụ đáp ứng nhu cầu khách hàng để giảm lượng tồn kho, đồng thời tìm kiếm thêm các đối tác để đẩy mạnh xuất khẩu Urê năm 2025 đạt 65.340 tấn với tổng giá trị xuất khẩu đạt 28 triệu USD, đồng thời bán Urê nguyên liệu và mở rộng tiêu thụ Urê vào thị trường phía Nam. Đặc biệt, trong thời gian ngừng máy dài ngày năm 2025, Công ty đã linh hoạt mua Urê của Công ty Đạm Ninh Bình (gần 10.500 tấn) để tiêu thụ khi vào vụ và đáp ứng sản lượng cho các đơn hàng đã ký hợp đồng giúp giữ vững thị phần, uy tín của Đạm Hà Bắc.

Đối với sản phẩm NH3:

Giá bán đầu năm duy trì ở mức thấp tuy nhiên đã đảo chiều và tăng trở lại vào tháng 12, Công ty tích cực bán sản phẩm NH3 để giảm áp lực tiêu thụ Urê với lượng bán năm 2025 đạt 6.293 tấn.

Công tác tài chính

Công ty đã cân đối dòng tiền đảm bảo cho hoạt động SX-KD, làm việc với các Ngân hàng thương mại để giảm lãi suất cho vay dài hạn, đặc biệt chủ động trao đổi với các hộ cung cấp than về việc tạm dừng tiếp nhận than trong thời gian ngừng máy dài ngày để xử lý sự cố thiết bị và giãn thời gian thanh toán tiền than 60 ngày để giảm bớt áp lực về dòng tiền trong thời điểm bán hàng khó khăn; đồng thời tập trung trả nợ gốc/lãi vay dài hạn các ngân hàng năm 2025 được 693 tỷ đồng bám sát theo Đề án tái cơ cấu đã được Chính phủ phê duyệt.

Công tác tổ chức, lao động và tiền lương

Trong năm, Công ty đã thực hiện sáp nhập các đơn vị trực thuộc, giảm số đầu mối xuống còn 20 đơn vị, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tổng số lao động bình quân thực hiện năm 2025 là 1.244 người bằng 93% so với kế hoạch năm và bằng 98% so với cùng kỳ năm 2024. Tiền lương bình quân người lao động theo HĐLĐ là 8,463 triệu đồng/người/tháng, bằng 99% kế hoạch năm và bằng 99,8% so với cùng kỳ 2024. Tiền lương bình quân thực hiện là 12,992 triệu đồng/người/tháng

Công tác đầu tư xây dựng

Giá trị thực hiện công tác đầu tư xây dựng năm 2025 đạt 8,37 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch. Trong đó Chi phí thiết bị 7,74 tỷ đồng, chi phí khác 0,63 tỷ đồng. Năm 2025, Công ty đã triển khai thực hiện 06/06 dự án/hạng mục đầu tư theo kế hoạch ĐTXD năm 2025 với kết quả thực hiện như sau: Có 03 hạng mục đã triển khai xong, 02 dự án đang triển khai thực hiện đầu tư và 01 dự án đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Kế hoạch hoạt động năm 2026

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2026
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế)	Triệu đồng	4.846.458
-	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.875.374
2	Sản lượng sản xuất		
-	Ure	Tấn	448.430
3	Sản lượng tiêu thụ		
-	Ure	Tấn	448.000
4	Tổng giá trị ĐTXD	Triệu đồng	6.620
5	Tổng giá trị sửa chữa lớn	Triệu đồng	100.187
6	Lao động và tiền lương		
-	Tổng số lao động và Ban điều hành	Người	1.334
-	Tổng quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành	Triệu đồng	288.144
7	Lợi nhuận	Triệu đồng	242.036

Một số nhiệm vụ trọng tâm



Mục tiêu chung năm 2026

Tập trung cao trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SX-KD, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SX-KD và đầu tư năm 2026 được giao.



Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Về công tác đầu tư xây dựng

Công ty tiếp tục triển khai các dự án phục vụ sản xuất, trọng tâm là: Dự án đầu tư Hệ thống bốc xếp bao Ure xong trong Quý II/2026; dự án đầu tư cải tạo công trình thu hồi lưu huỳnh 657; dự án đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời công suất 5 MW; dự án đầu tư thay thế các bơm NH3, cacamat của dây chuyền sản xuất Ure bằng bơm ly tâm; dự án đầu tư trạm quan trắc hồ môi trường

Về công tác quản trị sản xuất

- Tập trung cao trong phương thức vận hành, quản lý công nghệ, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật, công nhân vận hành trong việc kiểm tra giám sát thường xuyên tình hình hoạt động của máy móc, thiết bị để tiên lượng sớm, phát hiện và xử lý kịp thời các phát sinh. Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, máy móc, thiết bị cơ khí đảm bảo cho máy chạy ổn định.
- Tính toán phương thức sản xuất tối ưu, tiếp tục mua NH3 về sản xuất Ure để đạt tối đa sản lượng đáp ứng nhu cầu thị trường tại thời điểm.

Về công tác mua vật tư

- Chủ động xây dựng, triển khai hiệu quả các giải pháp về quản trị mua vật tư, hạn chế ảnh hưởng khi có biến động lớn về nguyên vật liệu đầu vào, tính toán, cân đối thời điểm mua vật tư hợp lý, phù hợp với thực tế với giá mua cạnh tranh, đảm bảo về chất lượng và tiến độ cung cấp và nâng cao hiệu quả SXKD.
- Triển khai mua các vật tư, chi tiết dự phòng cho sản xuất và sửa chữa để đảm bảo chạy máy ổn định, không gián đoạn.

Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- Nâng cao khả năng dự báo, bám sát diễn biến giá thế giới để có chính sách bán hàng linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả SXKD với giá bán sát giá thị trường,
- Duy trì và làm tốt công tác quảng bá thương hiệu các sản phẩm của Công ty, củng cố, giữ vững hệ thống khách hàng, thị phần, thị trường trong nước. Mở rộng thị trường cung cấp, sản xuất adblue và công nghiệp.

Về công tác tài chính

- Cân đối dòng tiền cho hoạt động SX-KD của Công ty và trả nợ gốc/lãi vay dài hạn các ngân hàng bám sát theo Đề án tái cơ cấu đã được Chính phủ phê duyệt. Làm việc với các Ngân hàng thương mại để giảm lãi suất vay dài hạn và vay vốn lưu động.
- Sử dụng hiệu quả các đòn bẩy kinh tế, thu xếp đa dạng các nguồn vốn tín dụng. Quản lý chặt chẽ công tác chỉ tiêu tài chính, đảm bảo tiết kiệm và đúng với quy chế của Công ty.

Về công tác lao động, tiền lương

- Tiếp tục triển khai phương án sắp xếp bộ máy tổ chức, sáp nhập hợp nhất các đơn vị trực thuộc đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả.
- Bố trí sắp xếp, điều động lao động đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất của Công ty, những cương vị sản xuất thiếu lao động tiếp tục bố trí làm thêm giờ và thanh toán lương thêm giờ theo quy định.
- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương phù hợp để thu hút, tuyển dụng lao động vào làm việc tại Công ty.

Một số nhiệm vụ khác

- Tiếp tục làm việc với nhà thầu EPC về những nội dung còn tồn tại, vướng mắc để quyết toán hợp đồng EPC và quyết toán Dự án.
- Đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật số vào quản trị các hoạt động SXKD của Công ty. Khẩn trương triển khai cập nhật, nâng cấp phần mềm Bravo phục vụ công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả điều hành doanh nghiệp.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc quyết toán dự án hoàn thành dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Trong thời gian qua, Công ty cùng với nhà thầu tích cực làm việc để giải quyết những tồn tại, vướng mắc trong quyết toán hợp đồng EPC. Tuy nhiên, đến nay hai bên chưa thống nhất một số nội dung vướng mắc. Do vậy, đến nay chưa quyết toán A-B hợp đồng EPC và chưa đủ cơ sở phê duyệt quyết toán dự án cũng như chưa xác nhận được với Nhà thầu các khoản công nợ liên quan.

Hiện nay, Công ty vẫn đang xin ý kiến tham vấn của các Bộ chuyên ngành và tích cực làm việc với Nhà thầu, giải quyết vướng mắc giữa hai bên để hoàn thiện hồ sơ quyết toán và xác nhận các khoản công nợ liên quan trong thời gian sớm nhất.

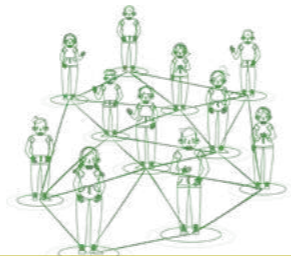
ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Về các chỉ tiêu môi trường

Hằng năm, Công ty chủ động triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng như tối ưu chế độ vận hành động cơ nhằm giảm tiêu thụ điện, thực hiện các đề tài khoa học – kỹ thuật để hạ định mức tiêu hao, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hai giải pháp trọng tâm.

- Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ để tách lưới giữ ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.
- Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xưởng Nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.



Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được Công ty chú trọng và triển khai thường xuyên, thể hiện trách nhiệm đối với người lao động và cộng đồng. Bên cạnh việc kịp thời hỗ trợ, trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi ốm đau, chia sẻ trong các dịp hiếu, hỉ, Công ty còn quan tâm động viên cha mẹ cao tuổi của CBCNV và chăm lo cho các cháu thiếu niên, nhi đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Đồng thời, Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương khu vực giáp ranh và một số đơn vị thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để tổ chức hiệu quả các chương trình an sinh – xã hội, góp phần lan tỏa tinh thần trách nhiệm và sẻ chia với cộng đồng.

Về người lao động và an toàn lao động



Bên cạnh việc đảm bảo thu nhập cho người lao động, công đoàn Công ty và các đoàn thể quần chúng tiếp tục làm tốt chức năng đại diện, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; phối hợp thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thường xuyên quan tâm chăm lo cho cán bộ, đoàn viên, hội viên, người lao động gặp khó khăn, tai nạn lao động; phối hợp với chuyên môn bảo đảm việc làm, cải thiện tiền lương thu nhập và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công nhân viên.

Trong năm, các đoàn thể đã thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động như: Chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, kiểm tra tiêu chuẩn, định lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm bữa ăn giữa giờ, ca 3, độc hại. Đồng thời tiếp tục tuyên truyền, động viên người lao động nỗ lực vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng hành, gắn bó với Công ty.

Song song với đó, các đoàn thể Công ty tiếp tục tham mưu chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao truyền thống như Hội khỏe, giải Bơi, giải Cầu lông, giải Quần vợt truyền thống; duy trì hoạt động thường xuyên của 22 câu lạc bộ cầu lông, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng của các đơn vị tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Công đoàn Công ty đã tham mưu tổ chức tốt các đoàn Vận động viên của Công ty tham gia các giải thể thao do tỉnh, ngành tổ chức đạt thành tích cao; vừa khẳng định chất lượng của phong trào văn hoá, thể thao của Công ty, vừa góp phần tôn vinh thương hiệu Đạm Hà Bắc.





05.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 64 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025
- 68 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025
- 70 Kế hoạch, định hướng của HĐQT nhiệm kỳ 2026-2030

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1 Về kết quả sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn 2021 – 2025, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là sự cố thiết bị khiến nhà máy phải dừng hoạt động trong thời gian dài, làm suy giảm đáng kể sản lượng sản xuất – tiêu thụ. Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, cùng với truyền thống đoàn kết phấn đấu vượt khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự ủng hộ của Đại lý bạn hàng, của quý cổ đông đã góp phần quan trọng đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn và hoàn thành nhiều chỉ tiêu chủ yếu hàng năm mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
1	Chỉ tiêu sản xuất chính						
-	Sản lượng SX Urê	tấn	287.249	333.508	391.174	397.658	384.626
-	Sản lượng NH3 TP	tấn	92.525	66.680	34.890	19.486	6.293
2	Chỉ tiêu tiêu thụ						
-	Sản lượng SX Urê	tấn	313.033	313.909	410.592	407.052	382.168
-	Sản lượng NH3 TP	tấn	92.508	66.680	34.890	19.486	6.293
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	4.518	6.484	4.435	4.466	4.354
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	6,251	1.779	858	6,8	10,85

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, cũng như năm 2025 do Công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên Hội đồng quản trị không trình ĐHCĐ phương án phân phối lợi nhuận.



2 Về hoạt động tài chính

- Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng, hàng năm đều được công bố thông tin theo đúng quy định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
- Hội đồng quản trị đã ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định để quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, như: quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế mua vật tư, quy định mức dự trữ tồn kho tối đa, tối thiểu vật tư vv... qua đó đã hạn chế và cắt giảm những chi phí không hợp lý.
- Hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2025 có sự cải thiện nhất định, đặc biệt là giảm được áp lực chi phí tài chính nhờ tái cơ cấu các khoản vay.

3 Về quản trị nội bộ, tổ chức bộ máy quản lý

2021 - 2025

Về công tác quản trị nội bộ: Các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi; Trong nhiệm kỳ năm 2021-2025, Hội đồng quản trị đã sửa đổi, bổ sung 35 quy chế, quy định để quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực khác nhau. Hội đồng quản trị cũng đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật.

Về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý: trong nhiệm kỳ, bộ máy quản lý của Công ty tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo hướng tinh gọn hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kết quả cụ thể:

- Quyết định thành lập phòng Kỹ thuật Công nghệ - An toàn - Môi trường (trên cơ sở hợp nhất phòng KTCN và phòng AT-MT);
- Quyết định thành lập Xưởng Urê;
- Quyết định thành lập Xưởng Thành phẩm;
- Quyết định V/v thành lập Phòng Kế hoạch và Đầu tư;
- Quyết định V/v thành lập Phòng Kỹ thuật sản xuất (trên cơ sở hợp nhất phòng KTCN-AT-MT và phòng ĐDSX);
- Quyết định V/v thành lập Phòng Cơ khí và Xây dựng;
- Quyết định V/v giải thể Phòng Đầu tư - Xây dựng;

Năm 2025

Hội đồng quản trị đã tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn bộ máy, cụ thể:

- Quyết định Đổi tên phòng Cơ khí và Xây dựng thành phòng Cơ khí;
- Quyết định Hợp nhất Văn phòng Công ty với phòng Bảo vệ Quân sự giữ nguyên tên Văn phòng Công ty (viết tắt là VPCT);
- Quyết định Hợp nhất Phòng Tổ chức Nhân sự, phòng Y tế giữ nguyên tên Phòng Tổ chức nhân sự (viết tắt là TCNS).
- Ngay trong đầu năm 2026, Hội đồng quản trị công ty đã quyết liệt đẩy mạnh việc sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn bộ máy để nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành, cụ thể:
- Hợp nhất phòng Cơ khí và phòng Điện Đo Lường Tự động hóa thành phòng Cơ Điện (viết tắt là CD)
- Sáp nhập xưởng Thành phẩm vào xưởng Urê (viết tắt là X.Urê);
- Hợp nhất phòng Kế hoạch và Đầu tư và phòng Vật tư Vận tải thành phòng Kế hoạch - Vật tư (viết tắt là KH-VT).

4

Về hoạt động đầu tư xây dựng

Năm 2025, Công ty tập trung đầu tư vào các hạng mục phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất như đầu tư máy phân tích lưu huỳnh trong than, máy phân tích nhiệt lượng than và xe xúc; đồng thời tiếp tục triển khai 03 dự án khác trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì trọng tâm giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất trong giai đoạn tới. Tổng kết trong 05 năm qua, Công ty đã thực hiện các hạng mục, dự án đầu tư với tổng giá trị đạt 21,7 tỷ đồng, với 20 dự án đầu tư đã thực hiện xong. Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng trước khi thông qua. Hội đồng quản trị chỉ quyết định đầu tư đối với những công trình, dự án thật sự cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chính vì vậy các công trình, dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng đều mang lại hiệu quả kinh tế cao; trình tự, thủ tục thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng do Hội đồng quản trị ban hành.

5

Về công tác tổ chức cán bộ, chính sách tiền lương

Về công tác tổ chức cán bộ: trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến công tác cán bộ, như:

- Hàng năm thực hiện rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn giai đoạn 2026-2031;
- Bổ nhiệm/bổ nhiệm lại: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Trình tự, thủ tục được thực hiện đúng quy chế bổ nhiệm cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành như:
 - Quyết định Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Văn Dũng, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2024.
 - Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Đức Ninh, Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2024.
 - Quyết định Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Đình Hồng, Giám đốc xưởng Tạo khí kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật Ban Quản lý Dự án Cải tạo - Mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - Quyết định Bổ nhiệm lại ông Phạm Văn Trung, sinh ngày 12/12/1967 giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc kể từ ngày 14/12/2025 đến hết ngày 31/12/2029
 - Quyết định Bổ nhiệm lại có thời hạn ông Lê Anh Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - Quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty đối với ông Đặng Xuân Thủy - Phó Chánh Văn phòng.

Về chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế tiền lương; rà soát, sửa đổi, bổ sung thang bảng lương Công ty làm cơ sở cho việc chi trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.



6

Về công tác quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác

- Công tác quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác được chú trọng. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác; cử, ủy quyền người đại diện phần vốn của Công ty tham gia Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty để thay mặt Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông góp vốn.
- Trong nhiệm kỳ và năm 2025, Hội đồng quản trị đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo Quy chế quản lý người đại diện. Thông qua báo cáo của người đại diện, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết và chỉ đạo cho người đại diện hướng các Công ty đi theo định hướng mà Công ty đã đề ra, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn của Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- Trong giai đoạn 2021-2025, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Hiện tại, Công ty có 2 khoản đầu tư dài hạn: đầu tư vốn vào 01 Công ty liên kết là Công ty cổ phần Khí Hóa lỏng Hà Bắc với số vốn là 8,6 tỷ đồng (chiếm 36% vốn điều lệ) và đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc với số vốn 4 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu 4,7% vốn điều lệ. Năm 2025, Công ty cổ phần Khí Hóa lỏng Hà Bắc có lợi nhuận trước thuế đạt 2,8 tỷ đồng, dự kiến chia cổ tức 10%.

Khoản đầu tư góp vốn



Công ty cổ phần
Khí Hóa lỏng Hà Bắc

8,6 tỷ đồng
(36% vốn điều lệ)



Công ty Cổ phần
Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

4 tỷ đồng
(4,7% vốn điều lệ)






7

Về trách nhiệm môi trường và xã hội

- Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu CBCNV, người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội. Hoạt động quản trị, vận hành, sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường.
- HDQT luôn luôn đặt mối quan tâm hàng đầu tới việc sản xuất bền vững do vậy các chỉ đạo Công ty về việc bảo vệ cảnh quan giảm thải ra môi trường được chú trọng. Trong tổ chức sản xuất đã áp dụng nhiều biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã tích cực triển khai nhiều chương trình thiện nguyện và hoạt động hỗ trợ địa phương, qua đó khẳng định rõ nét trách nhiệm xã hội và sự gắn bó bền chặt với cộng đồng. Đoàn Thanh niên Công ty hăng hái tham gia phong trào hiến máu tình nguyện, đồng thời thực hiện hiệu quả các hoạt động an sinh xã hội thiết thực, góp phần lan tỏa những giá trị nhân văn tốt đẹp, nâng cao hình ảnh và thương hiệu Đạm Hà Bắc trong lòng người dân và đối tác.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2025, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

-  Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, cơ bản đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra hàng năm, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.
-  Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.
-  Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.
-  Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
-  Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2026-2030

Dự báo tình hình 5 năm tới



Thuận lợi

- Tình hình chung 5 năm tới sẽ có thuận lợi do Đề án tái cơ cấu được Chính phủ phê duyệt nên Công ty sẽ giảm bớt chi phí tài chính do được tái cơ cấu nợ và lãi vay nên có thể chủ động cân đối được dòng tiền để duy trì sản xuất và bố trí nguồn vốn đầu tư cho các chương trình dự án trọng điểm.
- Luật thuế GTGT sửa đổi đưa sản phẩm phân bón vào diện chịu thuế GTGT 5% sẽ giúp giảm gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp phân bón và tăng sức cạnh tranh với hàng nhập khẩu.
- Thương hiệu và uy tín của “Đạm Hà Bắc” tiếp tục được bà con nông dân trong nước tin dùng, ủng hộ.
- Với hệ thống khách hàng truyền thống luôn sát cánh cùng Công ty sẽ góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.
- Tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức của tập thể lãnh đạo, quản lý và người lao động trong Công ty, cùng sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành, sự ủng hộ của quý cổ đông sẽ góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong nhiệm kỳ 2026-2030.

Khó khăn



Trong 5 năm tới, tình hình hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Nhu cầu Urê trong nước tiếp tục sụt giảm do các loại phân bón khác thay thế, do áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt, do diện tích canh tác ngày một thu hẹp và do chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Nhà nước, trong khi đó nguồn cung trong nước từ 4 nhà máy tiếp tục dư thừa nên sự cạnh tranh giữa các đơn vị trong nước ngày càng khốc liệt cả về giá bán và chính sách bán hàng.
- Đạm sản xuất từ than tiếp tục gặp bất lợi trong việc cạnh tranh với đạm sản xuất từ khí do giá nguyên nhiên liệu đầu vào, chi phí về xử lý môi trường với các chất thải rắn, chất thải khí và xử lý nguồn nước.
- Tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện cải thiện so với giai đoạn 2021-2026, tuy nhiên dòng tiền cho sản xuất vẫn còn khó khăn.
- Do làn sóng chuyển dịch đầu tư nước ngoài vào địa bàn dẫn đến sự cạnh tranh quyết liệt về nguồn nhân lực giữa các doanh nghiệp, tình trạng thiếu lao động ngày càng trầm trọng hơn do lao động hiện tại chuyển việc, lao động tuyển mới không đủ và không kịp đào tạo.

Đó là những khó khăn, thách thức nhưng cũng là cơ hội để Công ty có thể nghiên cứu ra sản phẩm mới tiếp tục giữ vững và củng cố thị trường góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo.

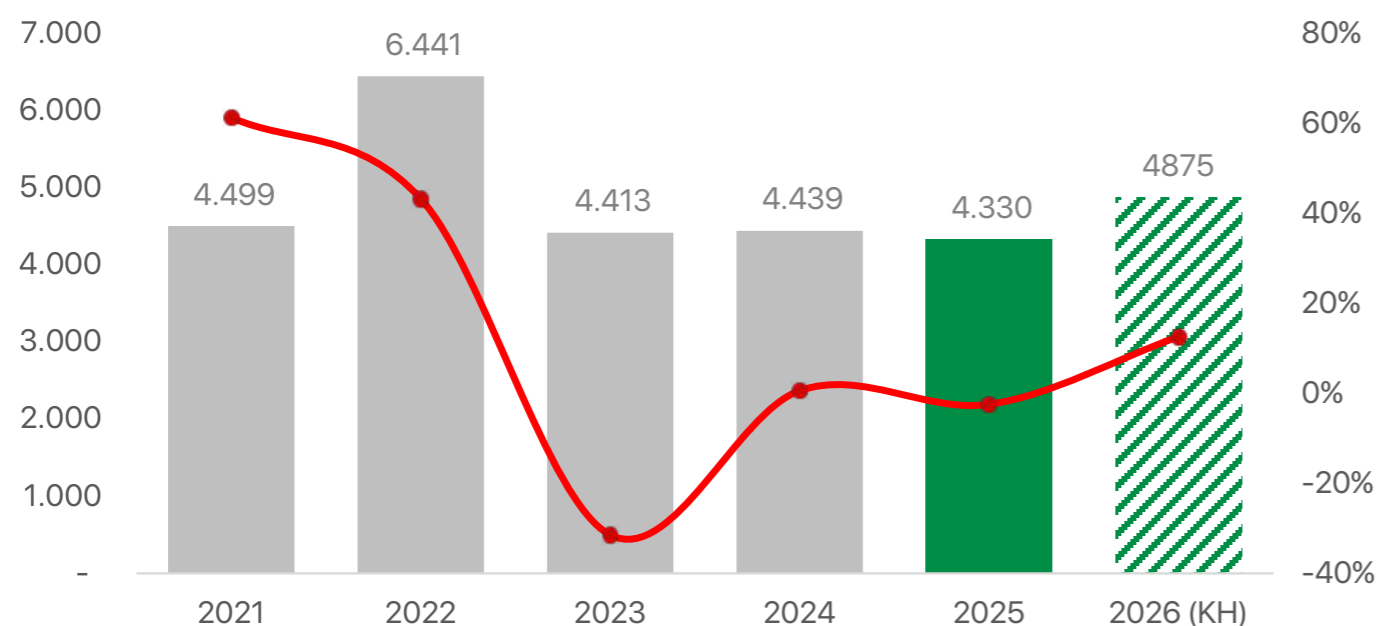


Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030

Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2026

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2026
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế)	Tr.đ	4.846.458
-	Tổng doanh thu	Tr.đ	4.875.374
2	Sản lượng sản xuất		
-	Urê	Tấn	448.430
3	Sản lượng tiêu thụ		
-	Urê	Tấn	448.000
4	Tổng giá trị ĐTXD	Tr.đ	6.620
5	Tổng giá trị sửa chữa lớn	Tr.đ	100.187
6	Lao động và tiền lương		
-	Tổng số lao động và Ban điều hành	Người	1.334
-	Tổng quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành	Tr.đ	288.144
7	Lợi nhuận	Tr.đ	242.036

Tổng doanh thu



Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2030

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.
- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc quyết toán Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác;
- Giám sát và chỉ đạo Ban điều hành sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định với phụ tải cao, hiệu quả và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ Urê nguyên liệu và Urê cao cấp và tiêu thụ NH3 lỏng; tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới có tính chất khác biệt nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và tăng hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí, đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất;
- Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động;
- Tăng cường công tác đào tạo, thực hiện rà soát lại quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng bổ sung đội ngũ có chất lượng khi cần;
- Nâng dần tiền lương của người lao động theo mặt bằng chung của khu vực trong các năm tiếp theo nhằm đảm bảo đời sống và giữ được người lao động tiếp tục làm việc tại Công ty.



06.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 76 Hội đồng quản trị
- 78 Ban kiểm soát
- 80 Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS
- 82 Tăng cường quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	- Chủ tịch HĐQT. Thành viên HĐQT không điều hành	102.511.000	37,66%	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền - Phó Giám đốc Phụ trách Ban QLDA Đạm Ninh Bình
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	- Thành viên HĐQT điều hành, - Tổng Giám đốc	54.440.000	20%	
3	Ông Phạm Văn Trung	- Thành viên HĐQT điều hành, - Phó Tổng Giám đốc	54.440.000	20%	
4	Ông Nguyễn Đình Hồng	- Thành viên HĐQT điều hành, - Phó Tổng Giám đốc	54.440.000	20%	
5	Bà Nguyễn Tuyến Anh	- Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	- Phó TGD Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh

Ghi chú:

Các thành viên theo số thứ tự từ 1 đến 4:

Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với tỷ lệ tổng cộng là 97,66% vốn điều lệ.

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2025:

Trong năm 2025, không có sự thay đổi trong Hội đồng quản trị

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Chưa thành lập

Hoạt động của HĐQT

Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	16/16	100%	
2	Ông Phạm Văn Trung	16/16	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	16/16	100%	
4	Ông Nguyễn Đình Hồng	16/16	100%	
5	Bà Nguyễn Tuyến Anh	16/16	100%	

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ thường niên vào ngày 25/04/2025.

Đồng thời, Hội đồng quản trị đã tiến hành 16 phiên họp; ban hành 20 nghị quyết, 36 quyết định để điều chỉnh các hoạt động của Công ty. Các nội dung, thành phần tham dự họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHCĐ và tình hình thực tế của Công ty để triển khai thực hiện.

Các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên cử thành viên HĐQT đại diện tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất, chấp thuận cao của các thành viên.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, cơ bản đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra hàng năm, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.
- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.
- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2025, CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Tuyến Anh. Trong năm 2025, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua hoạt động kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Giám đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT.

Đào tạo về Quản trị Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã được đào tạo lớp Giám đốc Doanh nghiệp ngành Hóa chất; các lớp nghiệp vụ do Công ty và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Hà Xuân Hán	Trưởng BKS chuyên trách (miễn nhiệm từ 25/04/2025)	0	0%
2	Bà Hoàng Thị Linh Giang	Trưởng BKS chuyên trách (bổ nhiệm từ 25/04/2025)	0	0%
3	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	3.000	0,0011%
4	Bà Đặng Thị Minh Lý	Thành viên BKS	0	0%



Hoạt động của Ban kiểm soát

Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hà Xuân Hán	1	100%	100%	Từ 1/2025 đến ngày miễn nhiệm BKS họp 01 cuộc
2	Bà Hoàng Thị Linh Giang	2	100%	100%	Từ 25/4/2025 - nay BKS họp 02 cuộc
3	Ông Lê Anh Tuấn	3	100%	100%	
4	Bà Đặng Thị Minh Lý	3	100%	100%	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Ngoài các hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện những việc sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Phối hợp với các đơn vị trong Công ty kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chi phí SXKD, công tác điều hành của Công ty;
- Kiểm soát hoạt động SXKD năm 2025 của công ty và hoạt động của Công ty liên kết;
- Thường xuyên giữ mối liên hệ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, cập nhật thông tin để đề xuất, kiến nghị các giải pháp phục vụ cho công tác quản trị quản lý điều hành sản xuất của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên theo nhiều hình thức họp, trao đổi trực tiếp, trao đổi bằng văn bản;
- Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban của Ban Điều hành đều có sự tham dự của Ban kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập trong hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này Ban kiểm soát đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác trong năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Các khoản lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích
Thù lao Hội đồng quản trị; lương của Ban TGD, CBQL			
1	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT	131,8
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT, TGD	408,9
3	Phạm Văn Trung	TV HĐQT, Phó TGD	362,5
4	Nguyễn Đình Hồng	TV HĐQT, Phó TGD	343,8
5	Nguyễn Tuyền Anh	TV HĐQT, Phó TGD Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	101,7
6	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	244,3
Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát			
1	Hoàng Thị Linh Giang	Trưởng ban Kiểm soát (kể từ 25/04/2025)	38,2
2	Lê Anh Tuấn	TV Ban KS; PP.KTSX	89,8
3	Đặng Thị Minh Lý	TV. Ban KS; CV Cơ quan UBKT Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	89,8

Lưu ý:

Thù lao trên đã bao gồm: Thù lao các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Thù lao đối với Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại các doanh nghiệp khác.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Trong năm 2025, không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ.



Hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	Là người có liên quan của người nội bộ Công ty	0101328911	Tổ 3, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025	02/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025	Thông qua hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh. Thời gian của việc ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch từ ngày 01/01/2025 đến hết 31/12/2025	

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin áp dụng với công ty đại chúng quy mô lớn. Việc công bố thông tin theo quy định luôn kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.
- Người phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan ban ngành ban hành, kịp thời tham vấn cho Hội đồng quản trị để có sự chuẩn bị phù hợp và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.
- Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được xây dựng bám sát quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.



Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc xác định đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới. Công ty tập trung hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và chuyên nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đồng thời tăng cường tính hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước hết, Công ty tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và tự động hóa trong công tác quản lý sản xuất, vận hành nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, nâng cao năng suất lao động và kiểm soát hiệu quả chi phí. Bên cạnh việc vận hành phần mềm kế toán Bravo, Công ty đang triển khai dự án nâng cấp và mở rộng hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể (ERP), hướng tới xây dựng nền tảng quản trị đồng bộ, tích hợp và minh bạch hơn. Song song với đó, hệ thống quản trị doanh nghiệp tiếp tục được củng cố theo mô hình quản lý tiên tiến, qua đó nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, tăng cường hiệu quả giám sát tài chính, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Đồng thời, Công ty chú trọng phát triển chất lượng đội ngũ quản lý thông qua các chương trình đào tạo bài bản, từng bước xây dựng đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh vững vàng và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cải thiện cơ chế quản trị minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và thiết lập các quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tạo niềm tin cho cổ đông, nhà đầu tư. Việc tăng cường hợp tác và liên kết với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước cũng là giải pháp quan trọng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Với định hướng quản trị chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đặt mục tiêu phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông, người lao động và các bên liên quan.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN VĂN DŨNG



07.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

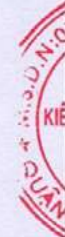
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM
VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang (nay là Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH3, CO2, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company

Tên viết tắt: HANICHEMCO

Mã chứng khoán: DHB

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyền Anh	Thành viên
Ông Đặng Xuân Thủy	Phụ trách quản trị

Ban Kiểm soát

Ông Hà Xuân Hán	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/4/2025
Bà Hoàng Thị Linh Giang	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 25/4/2025
Bà Đặng Thị Minh Lý	Thành viên	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/12/2025
Ông Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 22/9/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Nguyễn Văn Dũng Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC ("MOORE AISC") đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Cam kết

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Số: B0625001-R/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017 khi chưa có đầy đủ quyết toán A-B các gói thầu 10, 14, 8 và hợp đồng tư vấn kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng với các nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành của cấp có thẩm quyền. Dẫn đến phát sinh các khoản công nợ liên quan đến nhà thầu nước ngoài và các khoản công nợ khác (xem chi tiết tại thuyết minh số V.3; V.5; V.12; V.16 và VII.1)

Với các bằng chứng đã thu thập được và các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ trên cũng như các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh trong tương lai liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thuyết minh V.9, Công ty đã tạm hạch toán và trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017.

Tại thuyết minh IV.8, V.11, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn của các năm 2017, 2018, 2019 trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn - Mã số 261 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Phó Giám đốc chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 4945-2024-005-1

PHAN CÔNG VĂN

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 5298-2026-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.480.637.952.059	1.280.654.453.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	390.360.146.994	371.815.496.069
1. Tiền	111		390.360.146.994	371.815.496.069
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	75.519.000.000	48.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		75.519.000.000	48.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		344.834.210.235	247.334.172.387
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	268.479.033.176	194.518.231.831
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	61.175.690.070	37.973.043.906
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20.389.824.051	20.053.233.712
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.210.337.062)	(5.210.337.062)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	556.653.711.592	539.114.396.425
1. Hàng tồn kho	141		556.653.711.592	539.114.396.425
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		113.270.883.238	74.390.388.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	3.716.671.501	5.677.546.358
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		109.538.498.885	68.712.842.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	15.712.852	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.305.513.119.152	4.967.010.492.705
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.804.017.963	740.804.017.963
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	740.804.017.963	740.804.017.963
II. Tài sản cố định	220		3.016.638.299.306	3.544.838.254.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.016.638.299.306	3.544.838.254.694
- Nguyên giá	222		9.821.292.724.065	9.842.734.235.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.804.654.424.759)	(6.297.895.981.269)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228		13.226.611.293	13.226.611.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.226.611.293)	(13.226.611.293)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	70.956.549.360	92.343.894.458
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.552.540	33.552.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		70.922.996.820	92.310.341.918
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	13.218.878.465	13.218.878.465
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.662.812.368	9.662.812.368
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.556.066.097	3.556.066.097
VI. Tài sản dài hạn khác	260		463.895.374.058	575.805.447.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	463.895.374.058	575.805.447.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.786.151.071.211	6.247.664.946.511

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.154.508.639.439	5.629.212.667.649
I. Nợ ngắn hạn	310		1.203.122.872.920	1.173.591.345.018
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	566.654.037.556	386.144.351.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	46.666.957.669	117.549.295.214
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.964.163.899	500.166.207
4. Phải trả người lao động	314		49.105.573.258	45.049.252.495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.943.131.967	576.813.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	242.748.713.591	208.448.097.686
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	283.980.150.466	415.263.223.306
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.144.514	60.144.514
II. Nợ dài hạn	330		3.951.385.766.519	4.455.621.322.631
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.956.052.316.519	2.085.715.122.631
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1.995.333.450.000	2.369.906.200.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	631.642.431.772	618.452.278.862
I. Vốn chủ sở hữu	410		631.642.431.772	618.452.278.862
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.090.357.568.228)	(2.103.547.721.138)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.101.212.153.271)	(2.110.393.137.744)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.854.585.043	6.845.416.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.786.151.071.211	6.247.664.946.511

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Người lập biểu

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.351.995.843.532	4.439.477.098.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21.505.000.000	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.330.490.843.532	4.439.477.098.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.845.579.863.734	4.161.818.996.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		484.910.979.798	277.658.101.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.070.088.554	26.898.387.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	218.474.194.472	272.936.421.195
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		173.664.833.428	203.307.955.862
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	86.004.391.200	86.347.980.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	141.169.466.182	135.824.364.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		52.333.016.498	(190.552.277.122)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9.493.604.236	248.982.692.225
12. Chi phí khác	32	VI.7	50.972.035.691	51.584.998.497
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(41.478.431.455)	197.397.693.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.854.585.043	6.845.416.606
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	0	0
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.854.585.043	6.845.416.606
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	39,88	25,15

(Signature)

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

(Signature)

Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.854.585.043	6.845.416.606
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	627.879.254.036	626.674.030.149
- Các khoản dự phòng	03		0	(134.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.587.789.612	67.667.275.146
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.620.046.684)	(6.879.249.927)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	173.664.833.428	203.307.955.862
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		845.366.415.435	897.481.427.836
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(146.280.019.058)	(76.945.856.939)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(17.539.315.167)	67.302.323.406
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		182.676.778.296	(420.259.550.735)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		30.290.597.335	(1.360.767.775)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(303.653.849.171)	(203.668.168.862)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		0	(4.331.318)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		590.860.607.670	262.545.075.613
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(13.963.698.062)	(45.500.014.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		7.362.558.922	232.933.333
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(251.730.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		224.211.000.000	0
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.537.852.017	6.248.371.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.582.287.123)	(69.018.710.198)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.697.224.476.235	1.890.182.696.271
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.242.409.549.075)	(2.034.721.862.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(545.185.072.840)	(144.539.165.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		15.093.247.707	48.987.199.674
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		371.815.496.069	321.675.669.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.451.403.218	1.152.626.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	390.360.146.994	371.815.496.069

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu
Bắc Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang (nay là Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH₃, CO₂, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company

Tên viết tắt: HANICHEMCO

Mã chứng khoán: DHB

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có

6. Tổng số lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.217 người.

(Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.263 người)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO ₂	36,00%	36,00%	36,00%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	5 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	5 - 15 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	6 năm
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	3 - 8 năm

Căn cứ vào thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/5/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40% theo phương pháp đường thẳng;

- Năm 2018 và 2019, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 50% theo phương pháp đường thẳng.

Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; chi phí khấu hao được giãn ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa được phân bổ 10 năm; chi phí khấu hao được giãn phân bổ 2 năm (với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 2 năm) và phân bổ theo thời gian sử dụng còn lại (với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại trên 2 năm).

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay.

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm; chi phí lãi tiền vay... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm, dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón ở địa bàn tỉnh Bắc Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	390.360.146.994	371.815.496.069
Tiền mặt	927.649.802	3.725.588.904
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	389.432.497.192	368.089.907.165
a. Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	145.603.549.077	124.777.657.363
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Bắc Giang	34.390.605.075	21.200.365.843
Ngân hàng TMCP Á Châu	28.829.459.415	123.024.788
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26.693.228.341	79.544.148.778
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	22.181.210.344	2.007.306.287
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang	15.719.850.584	92.329.620
Các ngân hàng khác	17.789.195.318	21.810.482.047
b. Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ (USD)	243.828.948.115	242.448.679.476
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hoàng Cầu	78.289.728.414	0
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Giang	59.471.177.991	242.341.481.358
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Bắc Giang	27.936.002.250	0
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tây Hồ	26.200.379.960	104.673.118
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	26.095.000.000	0
Ngân hàng CATHAY UNITED - Chi nhánh TP.HCM	25.834.050.000	0
Các ngân hàng khác	2.609.500	2.525.000
Cộng	390.360.146.994	371.815.496.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn	75.519.000.000	75.519.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	75.519.000.000	75.519.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	75.519.000.000	75.519.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2025

Số hợp đồng	Số dư	Kỳ hạn	Lãi suất	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Giang				
HỆTG080425-01/HỆTG/MSB-DHB	25.173.000.000	12 tháng	0,00%	08/04/2026
(*)				
HỆTG080425-02/HỆTG/MSB-DHB	25.173.000.000	12 tháng	0,00%	08/04/2026
(*)				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Bắc Giang				
112-00039698.04716/HỆC CTG (**)	25.173.000.000	12 tháng	0,00%	24/10/2026
Tổng cộng	75.519.000.000			

(*) Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang được dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại ngân hàng này.

(**) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang được dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại ngân hàng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.662.812.368		0	9.662.812.368		0
Công ty CP Khí Hóa lỏng Hà Bắc	9.662.812.368		0	9.662.812.368		0
- Các khoản đầu tư khác	3.556.066.097	4.928.000.000	0	3.556.066.097	5.320.000.000	0
Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	3.556.066.097	4.928.000.000	0	3.556.066.097	5.320.000.000	0
Cộng	13.218.878.465	4.928.000.000	0	13.218.878.465	5.320.000.000	0

(*): Giá trị hợp lý của Công ty CP Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc được xác định dựa trên giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trên sàn Upcom trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố là 12.320 VND/CP.

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Khí Hoá lỏng Hà Bắc chưa được xác định do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty liên kết - Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc

- Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400742955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 30/10/2014. Tại ngày 31/12/2025, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty liên kết 864.906 cổ phần, tương ứng giá trị là 9.662.812.368 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Hoạt động của Công ty liên kết trong kỳ là sản xuất và kinh doanh CO2.

Các giao dịch phát sinh trong kỳ với Công ty liên kết: bán nước, CO2. (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)

Đầu tư khác - Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008. Tại 31/12/2025, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty CP Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc 400.000 cổ phần, tương ứng giá trị là 3.556.066.097 VND, tương đương 4,76% vốn điều lệ. Hoạt động của Công ty CP Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc trong kỳ là sản xuất và kinh doanh H2O2.

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty CP Khí Hóa lỏng Hà Bắc

Bán hàng

Nhận cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
Bán hàng	4.345.944.500	9.340.474.270
Nhận cổ tức	2.594.718.000	5.189.436.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	268.479.033.176	0	194.518.231.831	0
Công ty CP Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn - VP điều hành Công trình tại Bắc Giang (*)	54.084.783.360	0	54.084.783.360	0
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Hà Anh	71.052.361.640	0	0	0
SAMSUNG C AND T SINGAPORE PTE LTD	34.445.400.000	0	49.868.750.000	0
Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng phát Hà Bắc	28.241.550.888	0	5.450.582.788	0
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang	21.215.777.952	0	0	0
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	0	0	33.427.000.000	0
Các đối tượng khác	59.439.159.336	0	51.687.115.683	0
Cộng	268.479.033.176	0	194.518.231.831	0
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	1.175.602.594	0	902.310.017	0
Cộng	1.175.602.594	0	902.310.017	0

(*) Đây là khoản công nợ phải thu nhà thầu liên quan đến hoạt động chạy thử của tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2025/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 28/07/2025 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	61.175.690.070	0	37.973.043.906	0
Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Đông Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	57.708.945.741	0	26.367.604.217	0
Công ty TNHH Vật tư và thiết bị Hồng Phúc	0	0	6.167.604.000	0
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ kỹ thuật Chấn Hưng	1.030.000.000	0	0	0
Các đối tượng khác	2.436.744.329	0	5.437.835.689	0
Cộng	61.175.690.070	0	37.973.043.906	0
5. Phải thu khác				
a. Ngắn hạn	20.389.824.051	(5.210.337.062)	20.053.233.712	(5.210.337.062)
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
Phải thu khác liên quan công nợ Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm	4.654.692.143	0	4.654.692.143	0
Phải thu điều chỉnh chi phí đền bù mặt bằng tuyến ống 390,395	2.701.391.102	0	2.701.391.102	0
Các khoản phải thu khác	7.823.403.744	0	7.486.813.405	0
b. Dài hạn	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Phải thu nhà thầu EPC gói 8- Dự án Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc (*)	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Cộng	761.193.842.014	(5.210.337.062)	760.857.251.675	(5.210.337.062)

(*): Giá trị điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Xem thêm thuyết minh V.9)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá (*)				
Số dư đầu năm	2.040.519.490.653	7.766.148.013.924	36.066.731.386	9.842.734.235.963
ĐT XDCB h. thành	2.695.473.583	11.268.224.479	0	13.963.698.062
Tăng khác (**)	3.744.454.413	0	0	3.744.454.413
Thanh lý, nhượng bán	0	(37.227.883.421)	(1.921.780.952)	(39.149.664.373)
Số dư cuối năm	2.046.959.418.649	7.740.188.354.982	34.144.950.434	9.821.292.724.065
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	987.870.501.012	5.283.170.189.962	26.855.290.295	6.297.895.981.269
Khấu hao trong năm	70.464.766.659	473.891.659.784	1.551.681.420	545.908.107.863
Thanh lý, nhượng bán	0	(37.227.883.421)	(1.921.780.952)	(39.149.664.373)
Số dư cuối năm	1.058.335.267.671	5.719.833.966.325	26.485.190.763	6.804.654.424.759
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.052.648.989.641	2.482.977.823.962	9.211.441.091	3.544.838.254.694
Số dư cuối năm	988.624.150.978	2.020.354.388.657	7.659.759.671	3.016.638.299.306

(*) Nguyên giá đầu kỳ của tài sản cố định bao gồm giá trị của các tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Dự án này đã được hạch toán tạm tăng tài sản cố định từ tháng 4 năm 2015 với tổng nguyên giá 9.578.015.411.146 VNĐ. Năm 2017, căn cứ theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 731.345.834.964 VNĐ nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này, nguyên giá mới được xác định là 8.846.669.576.182 VNĐ và trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá mới. Giá trị cắt giảm chủ yếu liên quan đến phần vật tư, thiết bị của gói thầu 8 do Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Ngũ Hoàn thực hiện nên Công ty ghi nhận khoản phải thu với nhà thầu. Hiện nay, Công ty đang chờ phê duyệt hoàn thành từ cấp có thẩm quyền và có thể phát sinh tranh chấp hợp đồng với nhà thầu do chưa có quyết toán A-B.

(**) Tăng khác do điều chỉnh chi phí sửa chữa lớn ghi nhận tăng tài sản cố định theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

- Trong đó:

+ Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.987.887.096.339 VNĐ

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 893.393.892.362 VNĐ

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Khấu hao trong năm	0	0
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	0	0
Số dư cuối năm	0	0

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.226.611.293 VNĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.716.671.501	5.677.546.358
Chi phí bảo hiểm	1.915.067.811	3.771.776.209
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.801.603.690	1.905.770.149
Chi phí trả trước dài hạn	463.895.374.058	575.805.447.125
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	0	18.835.350.028
Tiền thuê đất (*)	50.803.898.822	52.413.103.238
Khấu hao TSCĐ được giãn theo Thông báo số 947/HCVN-TCKT	402.284.661.521	484.255.807.694
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	10.631.516.777	20.053.784.534
Chi phí trả trước dài hạn khác	175.296.938	247.401.631
Cộng	467.612.045.559	581.482.993.483

(*) Theo Thông báo số 163/TB-STC ngày 07/08/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh) và các văn bản xác định tiền thuê đất được bù trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (nay là thuế tỉnh Bắc Ninh), các khoản được trừ vào tiền thuê đất hàng năm dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc tại thôn Hương Mãn - xã Xuân Hương - huyện Lạng Giang (nay là xã Mỹ Thái), 02 lô đất tại khu vực phường Thọ Xương - Tp Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang) đến năm 2058 được bù trừ vào tiền thuê đất hàng năm với tổng số tiền là 65.613.266.507 VNĐ. Tại thời điểm 31/12/2025, số tiền giải phóng mặt bằng còn được bù trừ với số tiền thuê đất của dự án là 50.803.898.822 VNĐ.

12. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	566.654.037.556	566.654.037.556	386.144.351.853	386.144.351.853
Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Ngũ Hoàn (*)	243.486.712.117	243.486.712.117	235.876.130.842	235.876.130.842
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	217.797.703.205	217.797.703.205	70.144.912.245	70.144.912.245
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Gia	11.903.520.499	11.903.520.499	20.904.085.125	20.904.085.125
Công ty Cổ phần tập đoàn THAHUSA	12.676.515.163	12.676.515.163	15.711.522.750	15.711.522.750
Công ty TNHH Đầu tư Hà Long	0	0	15.228.241.875	15.228.241.875
Công ty Cổ phần cơ điện Hà Bắc	10.746.491.637	10.746.491.637	3.317.792.356	3.317.792.356
Phải trả nhà cung cấp khác liên quan đến Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	2.476.959.000	2.476.959.000	2.476.959.000	2.476.959.000
Các đối tượng khác	67.566.135.935	67.566.135.935	22.484.707.660	22.484.707.660
Cộng	566.654.037.556	566.654.037.556	386.144.351.853	386.144.351.853
c. Phải trả người bán là bên liên quan				
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	572.810.400	572.810.400	358.930.000	358.930.000
Cộng	572.810.400	572.810.400	358.930.000	358.930.000

(*) Đây là khoản công nợ phải trả nhà thầu liên quan đến dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hóa chất Hà Bắc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2025	01/01/2025		
13. Người mua trả tiền trước				
a. Ngắn hạn	46.666.957.669	117.549.295.214		
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DONGWHA	17.325.000.000	0		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacam	15.712.700.555	0		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vietgro	6.244.533.500	6.763.567.795		
Công ty TNHH thương mại Thủy Ngân	0	27.145.500.000		
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp Toan Vân	0	18.850.780.941		
Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Cường Liên	0	17.367.100.000		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang	0	13.135.807.383		
Các đối tượng khác	7.384.723.614	34.286.539.095		
Cộng	46.666.957.669	117.549.295.214		
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình	6.212.700	0		
Cộng	6.212.700	0		
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/được khấu trừ trong năm	31/12/2025
a. Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	0	95.163	95.163	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	3.887.978.418	3.887.978.418	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	43.935.339.816	42.400.783.192	1.534.556.624
Thuế thu nhập cá nhân	47.363.937	1.614.687.808	1.570.195.240	91.856.505
Thuế tài nguyên	146.683.440	1.180.394.100	1.212.328.350	114.749.190
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	13.116.932.537	13.116.932.537	0
Lệ phí môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	306.118.830	2.577.730.168	2.660.847.418	223.001.580
Cộng	500.166.207	66.316.158.010	64.852.160.318	1.964.163.899
b. Phải thu				
Tiền thuê đất	0	0	15.712.852	15.712.852
Cộng	0	0	15.712.852	15.712.852

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2025	01/01/2025
15. Chi phí phải trả		
a. Ngắn hạn	11.943.131.967	576.813.743
Chi phí lãi vay	565.644.106	554.659.849
Trích trước phí phát hành thư bảo lãnh	846.821.706	0
Các khoản trích trước khác	10.530.666.155	22.153.894
Cộng	11.943.131.967	576.813.743
16. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	7.549.540	462.403.256
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (*)	135.509.000.000	130.000.000.000
Phải trả Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam về khoản thu từ thanh lý vật tư không dùng khi cổ phần hóa	0	1.693.506.388
Vật tư đã nhập kho chưa ghi nhận công nợ	41.159.921.214	31.368.869.800
Phải trả chi phí dự án tái định cư (**)	1.911.956.217	1.911.956.217
Nguồn kinh phí dự án tái định cư được cấp (**)	2.803.991.000	2.803.991.000
Các khoản phải trả liên quan phần tự quyết toán dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	35.151.624.197	35.151.624.197
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.204.671.423	5.055.746.828
Cộng	242.748.713.591	208.448.097.686
b. Dài hạn		
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (*)	1.879.846.825.646	2.015.355.825.646
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.395.690.873	3.549.496.985
Thu tiền sử dụng đất dự án Tái định cư (**)	66.809.800.000	66.809.800.000
Cộng	1.956.052.316.519	2.085.715.122.631
c. Phải trả khác là các bên liên quan		
Phải trả Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam về khoản thu từ thanh lý vật tư không dùng khi cổ phần hóa	0	1.693.506.388
Cộng	0	1.693.506.388

(*) Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc được điều chỉnh lại thời hạn trả lãi theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2023/HĐTĐĐT-NHPT ngày 21/12/2023.

(**): Thu tiền để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình tái định cư cho Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

- Nguồn tiền thu trên để thực hiện chi trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giá trị theo dõi trên Chi tiêu xây dựng cơ bản dở dang khoảng 70,9 tỷ VND; phải thu khác khoảng 1,9 tỷ VND. Các khoản chênh lệch thu/chi sẽ quyết toán với Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		Phát sinh trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)	283.980.150.466	283.980.150.466	1.797.224.476.235	1.928.507.549.075	415.263.223.306	415.263.223.306
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hoàng Cầu (2)	46.368.494.884	46.368.494.884	1.797.224.476.235	1.928.507.549.075	415.263.223.306	415.263.223.306
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Bắc Giang (3)	69.279.978.947	69.279.978.947	1.380.511.371.562	1.634.948.330.497	300.805.453.819	300.805.453.819
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - CN Kinh Bắc	68.331.676.635	68.331.676.635	117.459.155.197	49.127.478.562	0	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	100.000.000.000	17.612.089.801	35.069.859.288	17.457.769.487	17.457.769.487
b. Vay dài hạn						
<i>Vay ngân hàng dài hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (4)	1.995.333.450.000	1.995.333.450.000	39.329.250.000	413.902.000.000	2.369.906.200.000	2.369.906.200.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (5)	1.995.333.450.000	1.995.333.450.000	39.329.250.000	413.902.000.000	2.369.906.200.000	2.369.906.200.000
	1.024.746.450.000	1.024.746.450.000	39.329.250.000	313.902.000.000	1.299.319.200.000	1.299.319.200.000
	970.587.000.000	970.587.000.000	0	100.000.000.000	1.070.587.000.000	1.070.587.000.000
Cộng	2.279.313.600.466	2.279.313.600.466	1.836.553.726.235	2.342.409.549.075	2.785.169.423.306	2.785.169.423.306

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 31/12/2025	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HDCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 28/07/2025	Từ ngày 28/07/2025 đến ngày 28/07/2026	Theo từng KUNN	380.000.000.000	46.368.494.884	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạm U rê, Amoniac, CO2	Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty, địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hãn, Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh và công nợ phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hoàng Cầu (2)						
Hợp đồng cho vay hạn mức số HCA.DN.6884.100325 ngày 20/03/2025	Từ ngày 20/03/2025 đến ngày 20/03/2026	Theo từng KUNN	200.000.000.000	69.279.978.947	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Toàn bộ số dư bao gồm gốc và lãi của các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại MSB
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Bắc Giang (3)						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 112-00039698.714/2025/HETD ngày 04/04/2025	Từ ngày 04/04/2025 đến ngày 01/04/2026	Theo từng KUNN	100.000.000.000	68.331.676.635	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạm U rê, Amoniac, CO2	Toàn bộ số dư bao gồm gốc và lãi của các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại MSB

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 29

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (4)

Hợp đồng tín dụng số 01.68/HETD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	6%/năm	192 triệu USD	38.850.000 USD	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
--	--------------	--------	---------------	----------------	---	-------------------------------

Quy đổi VND

Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (5)

Hợp đồng tín dụng số 45/2008/HETDĐT-NHPT ngày 11/9/2008 và các phụ lục điều chỉnh	Đến năm 2031	8,5%/năm	4.125.000.000.000	1.070.587.000.000	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
---	--------------	----------	-------------------	-------------------	---	-------------------------------

Cộng

2.279.313.600.466

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 30

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.722.000.000.000	(2.110.393.137.744)	611.606.862.256
Lợi nhuận	0	6.845.416.606	6.845.416.606
Số dư cuối năm trước	2.722.000.000.000	(2.103.547.721.138)	618.452.278.862
Số dư đầu năm nay	2.722.000.000.000	(2.103.547.721.138)	618.452.278.862
Lợi nhuận	0	10.854.585.043	10.854.585.043
Tăng khác (*)	0	2.335.567.867	2.335.567.867
Số dư cuối năm nay	2.722.000.000.000	(2.090.357.568.228)	631.642.431.772

(*) Điều chỉnh tăng do ghi nhận thu nhập khác từ các khoản phải trả và điều chỉnh chi phí sửa chữa lớn ghi nhận tăng tài sản cố định theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2025	01/01/2025
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
Các cổ đông khác	2,34%	63.690.000.000	63.690.000.000
Cộng	100,00%	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Vốn góp đầu năm	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	272.200.000
Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Cổ phiếu phổ thông	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	272.200.000
Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (trước là phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2007 đến 2058. Diện tích khu đất thuê là 85,51811 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai (trước là phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) để làm văn phòng đại diện của Công ty tại tỉnh Bình Định từ năm 2001 đến năm 2045. Diện tích khu đất thuê là 349m². Theo hợp đồng thuê đất, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Quy đổi (VNĐ)	Nguyên tệ	Quy đổi (VNĐ)
Ngoại tệ các loại (USD)	9.343.895,31	243.828.948.115	9.675.035,93	244.294.657.234
Cộng	9.343.895,31	243.828.948.115	9.675.035,93	244.294.657.234

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, sản phẩm	4.330.490.843.532	4.439.477.098.072
Cộng	4.330.490.843.532	4.439.477.098.072

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm	3.845.579.863.734	4.161.818.996.381
Cộng	3.845.579.863.734	4.161.818.996.381

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	662.769.762	1.456.880.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.594.718.000	5.189.436.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.812.600.792	20.252.070.422
Cộng	13.070.088.554	26.898.387.016

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	173.664.833.428	203.307.955.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.221.571.432	1.961.190.187
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	43.587.789.612	67.667.275.146
Cộng	218.474.194.472	272.936.421.195

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.758.682.151	2.367.015.194
Chi phí bằng tiền khác (vận chuyển, quảng cáo ...)	84.245.709.049	83.980.965.287
Cộng	86.004.391.200	86.347.980.481

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	41.861.063.299	41.676.087.556
Chi phí vật liệu quản lý	5.830.389.457	9.144.790.826
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.190.445.467	14.097.140.318
Thuế, phí, lệ phí	13.964.642.261	8.074.400.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.703.702.210	6.766.547.235
Chi phí bằng tiền khác	57.619.223.488	56.065.397.498
Cộng	141.169.466.182	135.824.364.153

6. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Thu tiền cho thuê tài sản	200.060.304	260.244.371
Thu nhập từ chi phí lãi vay được xóa, giảm lãi suất	0	242.846.771.107
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê hàng hoá	0	4.438.999.198
Thu nhập từ thanh lý tài sản	7.362.558.922	232.933.333
Các khoản thu nhập khác	1.930.985.010	1.203.744.216
Cộng	9.493.604.236	248.982.692.225

7. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Khấu hao tài sản dùng sửa chữa	50.748.305.647	50.534.133.496
Các khoản khác	223.730.044	1.050.865.001
Cộng	50.972.035.691	51.584.998.497

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.512.367.395.715	2.683.463.701.968
Chi phí nhân công	199.215.228.000	201.258.479.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.922.740.695	576.139.896.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.427.646.024	436.203.019.558
Chi phí khác bằng tiền	371.563.286.410	388.398.682.382
Cộng	4.116.496.296.844	4.285.463.780.113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.854.585.043	6.845.416.606
Các khoản điều chỉnh tăng	362.665.777	172.050.000
- Các khoản chi phí không được trừ	1.189.777	32.000.000
- Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	361.476.000	140.050.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.594.718.000)	(5.189.436.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.594.718.000)	(5.189.436.000)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(8.622.532.820)	(1.828.030.606)
Thu nhập tính thuế	0	0
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.854.585.043	6.845.416.606
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.854.585.043	6.845.416.606
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39,88	25,15

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	283.980.150.466	1.995.333.450.000	2.279.313.600.466
Phải trả người bán	566.654.037.556	0	566.654.037.556
Chi phí phải trả	11.943.131.967	0	11.943.131.967
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	242.741.164.051	1.956.052.316.519	2.198.793.480.570
Cộng	1.105.318.484.040	3.951.385.766.519	5.056.704.250.559
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	415.263.223.306	2.369.906.200.000	2.785.169.423.306
Phải trả người bán	386.144.351.853	0	386.144.351.853
Chi phí phải trả	576.813.743	0	576.813.743
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	206.292.188.042	2.085.715.122.631	2.292.007.310.673
Cộng	1.008.276.576.944	4.455.621.322.631	5.463.897.899.575

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	31/12/2025		01/01/2025		31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính								
- Tiền và các khoản tương đương tiền	390.360.146.994	0	371.815.496.069	0	390.360.146.994	0	371.815.496.069	
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.519.000.000	0	48.000.000.000	0	75.519.000.000	0	48.000.000.000	
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	3.556.066.097	0	3.556.066.097	0	4.928.000.000	0	5.320.000.000	
- Phải thu khách hàng	268.479.033.176	0	194.518.231.831	0	268.479.033.176	0	194.518.231.831	
- Phải thu khác	761.193.842.014	(5.210.337.062)	760.857.251.675	(5.210.337.062)	755.983.504.952		755.646.914.613	
TỔNG CỘNG	1.499.108.088.281	(5.210.337.062)	1.378.747.045.672	(5.210.337.062)	1.495.269.685.122		1.375.300.642.513	
Nợ phải trả tài chính								
- Vay và nợ	2.279.313.600.466	0	2.785.169.423.306	0	2.279.313.600.466	0	2.785.169.423.306	
- Phải trả người bán	566.654.037.556	0	386.144.351.853	0	566.654.037.556	0	386.144.351.853	
- Chi phí phải trả	11.943.131.967	0	576.813.743	0	11.943.131.967	0	576.813.743	
- Phải trả khác	2.198.793.480.570	0	2.292.007.310.673	0	2.198.793.480.570	0	2.292.007.310.673	
TỔNG CỘNG	5.056.704.250.559	0	5.463.897.899.575	0	5.056.704.250.559	0	5.463.897.899.575	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 36

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty đã, đang làm việc với Nhà thầu EPC gói 8- Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp vận hành bàn giao nhà máy để quyết toán bổ sung Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc nên có thể phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả với Nhà thầu và các bên có liên quan khác trong tương lai.

Khoản lỗ lũy kế kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Thu chi thanh lý tài sản không cần dùng khi cổ phần hoá	1.693.506.388	0
Công ty CP DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	19.444.599.000	0
		Mua hàng hoá	106.253.173.100	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	Bán hàng	4.345.944.500	1.175.602.594
		Nhận cổ tức	2.594.718.000	0
		Thu nhập khác	27.000.000	0
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Mua hóa chất	26.264.355.840	(572.810.400)
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ	Mua hàng hoá	130.000.000.000	0
		Bán hàng	40.555.107.300	(6.212.700)

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tên	Vị trí	Nội dung	Năm 2025
Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT và thu nhập khác	131.777.000
Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	408.918.200
Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	362.478.200
Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	343.758.400
Nguyễn Tuyến Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT và thu nhập khác	101.722.000
Hà Xuân Hán	Trưởng Ban Kiểm soát (Thời giữ chức vụ ngày 25/4/2025)	Thù lao BKS và thu nhập khác	68.466.891
	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/4/2025)	Thù lao BKS và thu nhập khác	38.200.000
Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	Thù lao BKS và thu nhập khác	89.777.000
Đặng Thị Minh Lý	Thành viên BKS	Thù lao BKS và thu nhập khác	89.777.000
Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	Lương và thu nhập khác	244.314.800

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 37

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón ở địa bàn tỉnh Bắc Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2025 trên Bảng cân đối kế toán và năm 2024 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này. *chúng tôi*

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Lê Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc



ĐẠM HÀ BẮC
Quản bó cùng nhà nông

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Tel: 02043854538

Website: <http://www.damhabac.com.vn>